

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Kiên Giang

- Mã chứng khoán: KGM
- Địa chỉ: 85-87 Lạc Hồng, phường Vĩnh Lạc, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang
- Điện thoại liên hệ: (0297) 3863 491 Fax: (0297) 3862 309
- E-mail: info@kigimex.com.vn Website: <https://www.kigimex.com.vn>
- Người thực hiện CBTT: Bà Dương Thị Thanh Nguyệt, Tổng giám đốc
- Loại thông tin công bố:

Định kỳ

Bất thường

Theo yêu cầu

2. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo thường niên năm 2022.

Thông tin này đã được Công ty công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 29/3/2023 tại đường dẫn <https://www.kigimex.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CBTT;
- Lưu VT.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



Dương Thị Thanh Nguyệt



CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN

➔➔➔ 2022

Địa chỉ: Số 85-87 Lạc Hồng, phường Vĩnh Lạc,
TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Điện thoại: (0297) 3863 491

Fax: (0297) 3862 309

Email: info@kigimex.com.vn



M Ụ C L Ụ C

THÔNG TIN CHUNG

01

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

02

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

03

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

04

QUẢN TRỊ CÔNG TY

05

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2022

06

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát	7
Quá trình hình thành và phát triển	9
Giải thưởng tiêu biểu	11
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	13
Mô hình quản trị và bộ máy quản lý	15
Định hướng phát triển	19
Các rủi ro	21



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên Công ty	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG
Tên quốc tế	KIEN GIANG IMPORT & EXPORT JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	KIGIMEX
Địa chỉ	Số 85-87 Lạc Hồng, phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
Giấy chứng nhận ĐKDN	Số 1700100989 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp lần đầu ngày 07 tháng 11 năm 2005 và thay đổi lần thứ 20 ngày 10 tháng 05 năm 2018.



Vốn điều lệ:
254.300.000.000 đồng



info@kigimex.com.vn



(0297) 3863 491



www.kigimex.com.vn



(0297) 3862 309



Mã cổ phiếu:
KGM



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Năm 1975

Công ty Xuất nhập cảng Hải Nam được thành lập, có văn phòng chính tại Cần Thơ và trực thuộc Công ty Xuất nhập cảng Miền Tây. Đây chính là tiền thân của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang hiện nay.

Năm 1976

Công ty Xuất nhập cảng Hải Nam đổi thành Công ty Ngoại thương Kiên Giang, trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Năm 1981

Công ty đổi tên từ Công ty Ngoại thương Kiên Giang sang Công ty Liên hợp xuất khẩu Kiên Giang.

Năm 1982

Một lần nữa Công ty đổi tên thành Liên Hiệp Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang. Vào lúc đó, các Công ty như Công ty Xuất nhập khẩu Rau quả, Công ty Dầu thực vật, Cửa hàng Kiều hối, Công ty Nông sản thực phẩm xuất khẩu, Nhà máy đông lạnh khóm, Xí nghiệp đông lạnh thủy sản xuất khẩu (XN I), Đội tàu Sông Kiên đều trực thuộc Công ty.

Năm 1988

Công ty đổi tên thành Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang.

Năm 1992

UBND tỉnh Kiên Giang ra Quyết định số 542/UB-QĐ ngày 19/08/1992 về việc thành lập Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang và hoạt động theo giấy phép kinh doanh xuất nhập khẩu số 4081004 do Bộ Thương mại cấp ngày 01/03/1993.

Năm 1994

Tháng 04/1994, Công ty Lương thực Kiên Giang sáp nhập vào Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang.

Năm 1995

Tổng Công ty Lương thực Miền Nam ra Quyết định số 071/TCT/TCLĐ - QĐ ngày 25/ 11/1995 về việc tiếp nhận Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang.

Năm 2005

Theo Quyết định số 123/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, cuối tháng 05/2005 Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang thuộc Tổng Công ty Lương thực Miền Nam chuyển đổi sang hình thức Công ty TNHH một thành viên.

Năm 2016

Thông qua sự chấp thuận của Tổng Công ty Lương thực Miền Nam vào ngày 20/06/2016, Công ty đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần đầu vào ngày 27/06/2016.

Ngày 01/07/2016, Công ty chính thức chuyển đổi và hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo giấy đăng ký kinh doanh số 1700100989 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp (thay đổi lần thứ 19) với tên gọi là Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.

Năm 2017

Ngày 14/09/2017, Công ty chính thức được chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là KGM và số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch là 25.430.000 cổ phiếu.

Ngày 21/09/2017, là ngày giao dịch đầu tiên trên sàn UPCoM với giá tham chiếu là 10.000 đ/CP.

2016

Năm 2019

Công ty giao dịch thành công với một số khách hàng mới (Wilmar, aT), đặc biệt là lần đầu tiên thắng thầu cung cấp cho thị trường Hàn Quốc loại gạo lứt hạt ngắn Japonica.

Năm 2020

Công ty đưa thêm nhiều sản phẩm mới vào danh mục sản phẩm kinh doanh như gạo thơm ST24, ST25, gạo Japonica, gạo lứt hạt dài và cá cơm lá chanh.

Năm 2022

Trong giai đoạn phục hồi sau đại dịch Covid-19, Công ty đã duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh song song với việc phải đối mặt với những tác động tiêu cực từ các biến động trên thế giới, điển hình là cuộc chiến tranh Nga-Ukraina. Cuộc chiến này đã ảnh hưởng đến an ninh lương thực toàn cầu, từ đó gây ra sự không ổn định đối với giá mặt hàng lúa gạo chủ lực của Công ty. Mặc dù vậy, Ban lãnh đạo và nhân viên Công ty đã nỗ lực tối đa trong tất cả các hoạt động, đặc biệt là trong công tác bán hàng, để duy trì kết quả kinh doanh ổn định của Công ty.

2022

2021

Năm 2021

Do ảnh hưởng của dịch bệnh nên trong năm Công ty không ưu tiên các hạng mục đầu tư chiếm nguồn vốn lớn. Thay vào đó, Công ty tập trung phát triển kinh doanh. Để các hoạt động kinh doanh đảm bảo được an toàn, Công ty luôn nghiêm túc tuân thủ các chỉ thị của Chính phủ. Ngoài áp dụng “Ba tại chỗ”, Công ty còn thực hiện phương án “Một cung đường, hai điểm đến” (nhà - đơn vị công tác, đơn vị công tác - nhà) cho các đơn vị sản xuất. Đối với khối văn phòng, Công ty áp dụng chính sách “30% trực tiếp, 70% trực tuyến”. Qua đó thấy được, Công ty đã có sự phối hợp tốt trong công tác phòng chống dịch và vẫn đảm bảo được công việc cho cán bộ công nhân viên.

1994

1975



CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

Hơn 45 năm thành lập và phát triển, trải qua nhiều khó khăn trong quá khứ để đạt được vị thế như bây giờ, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang ngày nay càng gặt hái được nhiều thành công trên nhiều lĩnh vực kinh doanh. Công ty nhận được sự tín nhiệm từ Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị, xã hội và các doanh nghiệp trong nước và quốc tế, giành được nhiều giải thưởng, thành tích nổi trội trong các hoạt động kinh doanh.

NĂM	CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU
	<ul style="list-style-type: none"> » Chủ tịch Nước phong tặng Huân chương Lao động hạng III » Thủ tướng Chính phủ tặng Giải bạc Chất lượng Quốc gia, Cờ thi đua » Bộ Tài Chính và Bộ Lao động – Thương Binh và Xã hội đánh giá là Doanh nghiệp Loại I. » Bộ Y Tế tặng Bằng khen có thành tích xuất sắc trong công tác Chăm sóc sức khỏe người lao động » Bộ Công thương xếp hạng trong 10 Doanh nghiệp cả nước dẫn đầu về Xuất khẩu gạo và nhiều năm liền được bình chọn là Doanh nghiệp Xuất khẩu uy tín. » Bộ Khoa học Công nghệ trao tặng giải thưởng Chất lượng Việt Nam » Liên hiệp các tổ chức Khoa học – Kỹ thuật Việt Nam bình chọn Top 100 Thương hiệu Việt. » Đạt Cúp Vàng Doanh nghiệp Xuất khẩu uy tín ngành hàng lúa gạo Việt Nam tại các kỳ tổ chức Festival lúa gạo Việt Nam. » Đạt giải thưởng Bông lúa Vàng Việt Nam – Thương hiệu Vàng Chất lượng. » Hàng năm được Tổng Công ty Lương Thực Miền Nam, UBND tỉnh Kiên Giang trao tặng nhiều Bằng khen hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong các mặt công tác. » Được đạt nhiều Danh hiệu, Giải thưởng, Cờ thi đua, Bằng khen, Giấy khen của các Tổ chức Chính trị Xã hội trao tặng trong các phong trào thi đua hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
2019	<ul style="list-style-type: none"> » Bằng khen “Đã có thành tích xuất sắc trong công tác chỉ đạo, phối hợp, thực hiện chính sách Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế giai đoạn 2018- 2019” do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam trao tặng » Cờ thi đua “Đã có thành tích xuất sắc, dẫn đầu phong trào thi đua năm 2019” do Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp trao tặng » Công nhận xếp loại tập thể Công đoàn cơ sở tốt năm 2019 của Ban chấp hành Công đoàn Tổng công ty Lương thực Miền Nam do Tổng Công ty trao tặng » Giấy khen và tặng phẩm của Ban chấp hành Công đoàn Tổng công ty Lương thực Miền Nam do Tổng Công ty trao tặng



Công ty luôn đứng top đầu các doanh nghiệp do Tổng Công ty Lương thực Miền Nam xếp loại về:

- » Tài chính vững mạnh;
- » Sản lượng tiêu thụ và lợi nhuận cao;
- » Ổn định nội bộ.

NĂM	CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU
2019	<ul style="list-style-type: none"> » Bằng khen danh hiệu “Danh nghiệp tiêu biểu Đồng bằng Sông Cửu Long năm 2019” do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam trao tặng » Bằng khen “Có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua chuyên đề Doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có hiệu quả góp phần phát triển kinh tế tỉnh Kiên Giang năm 2019” do Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang trao tặng.
2020	<ul style="list-style-type: none"> » Bằng khen “Có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua chuyên đề “Doanh nhân và Doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có hiệu quả, góp phần phát triển kinh tế tỉnh Kiên Giang năm 2020” do Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang trao tặng » Bằng khen “Có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua chuyên đề xuất khẩu năm 2020” do Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang trao tặng
2021	<ul style="list-style-type: none"> » Cờ thi đua “Khen thưởng thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua năm 2021” của UBND tỉnh Kiên Giang. » Cờ thi đua “Có thành tích xuất sắc, dẫn đầu phong trào thi đua năm 2021” của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp. » Bằng khen “Có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua chuyên đề xuất khẩu năm 2021” của UBND tỉnh Kiên Giang. » Bằng khen “Thành tích đột xuất, xuất sắc đóng góp thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19” của UBND tỉnh Kiên Giang. » Đạt danh hiệu “Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín” năm 2021 của Bộ công thương cấp.



Ngành nghề kinh doanh



Các mặt hàng gạo

KiGiMex thu mua, chế biến và xuất khẩu mặt hàng gạo các loại:

- » Gạo chất lượng cao hạt dài: OM 6976; OM 4218; OM 2571, ...
- » Gạo thơm: OM 5451, Đài Thơm 8, Nàng Hoa, KDM, Jasmine, ST24, ST25;
- » Gạo hạt trung bình: Sóc Miên; OM576 (Hàm Trâu), ...
- » Gạo thông dụng: 5%, 10%, 15%, 20%, 25%, 100% tấm;
- » Nếp, tấm, lúa, cám. Trong năm 2020, Công ty đã phát triển thêm nhiều sản phẩm mới như gạo thơm ST24, ST25, gạo Japonica và gạo lứt dài...

Về bao bì đóng gói

Đóng gói sản phẩm chuyên nghiệp các loại bao PP hoặc bao ghép màng BOPP, PAPE với các loại kích cỡ khác nhau từ 1 kg đến 50 kg; bao Jumbo theo yêu cầu của khách hàng.

Các mặt hàng thủy sản

KiGiMex kinh doanh mặt hàng cá cơm các loại:

- » Cá Cơm sấy khô (cá đã luộc chín sấy khô ăn liền hoặc dùng để chế biến các món ăn khác), gồm các loại sau:
 - + Cá Cơm nguyên con (từ 2,5cm đến 5cm) : chia thành 3 loại tùy theo kích cỡ (A1, A2, A3).
 - + Cá Cơm thịt (bỏ đầu và xương)(loại A4 - từ 3cm đến 5cm)
- » Cá Cơm tẩm ướp gia vị ăn liền (Cá Cơm tách xương sấy khô, tẩm ướp gia vị, ăn liền).
- » Cá Mai sấy khô (Cá Mai tách xương sấy khô).
- » Trong năm 2021-2022, Công ty đã phát triển thêm các dòng sản phẩm: cá Cá cơm ăn liền vị lá chanh, Cá cơm ăn liền vị khóm, Cá cơm ăn liền vị trứng muối và đặc biệt có thêm sản phẩm Cá cơm sấy mix Maca để đáp ứng theo nhu cầu của khách hàng trong nước

Về bao bì đóng gói

- » Bán buôn: Sản phẩm đóng trong thùng carton, có 01 lớp PE bên trong, gồm 02 loại thùng 10kg (loại A4) và 14kg (loại A1, A2, A3).
- » Bán lẻ: Cá cơm tẩm gia vị được đóng trong hộp PE, gồm 2 loại hộp 250 gram và 500 gram; Túi hút chân không và Hộp-Bloc đối với các dòng cá tẩm, cá sấy thích hợp cho việc làm quà biếu vừa đẹp và tiện lợi.



Ngành hàng xăng, dầu



Công ty sở hữu 1 tổng kho xăng dầu đặt tại số 44, đường Ngô Thời Nhiệm, phường An Bình - TP. Rạch Giá, được xây dựng từ năm 2002 với diện tích xây dựng 6.525 m², sức chứa hơn 4.500 m³ xăng dầu. Hệ thống các phương tiện vận chuyển của Công ty gồm 6 xe bồn với dung tích mỗi xe 6.000 lít đến 10.000 lít và 3 tàu vận chuyển với sức chứa 470 m³. Công ty có 05 cửa hàng bán lẻ xăng dầu trực thuộc Xí nghiệp Kinh doanh xăng dầu An Bình. Công ty sẵn sàng cung cấp tận nơi lượng xăng, dầu với giá sỉ cho các đại lý, tàu biển và các tổ chức, cá nhân khác trong và ngoài tỉnh Kiên Giang.

Chuyên kinh doanh sỉ và lẻ các mặt hàng:

- » Xăng (Ron A95 và E5 RON92)
- » Dầu (DO, KO, FO)

Thị trường kinh doanh: Nội địa trong và ngoài tỉnh

Các sản phẩm khác



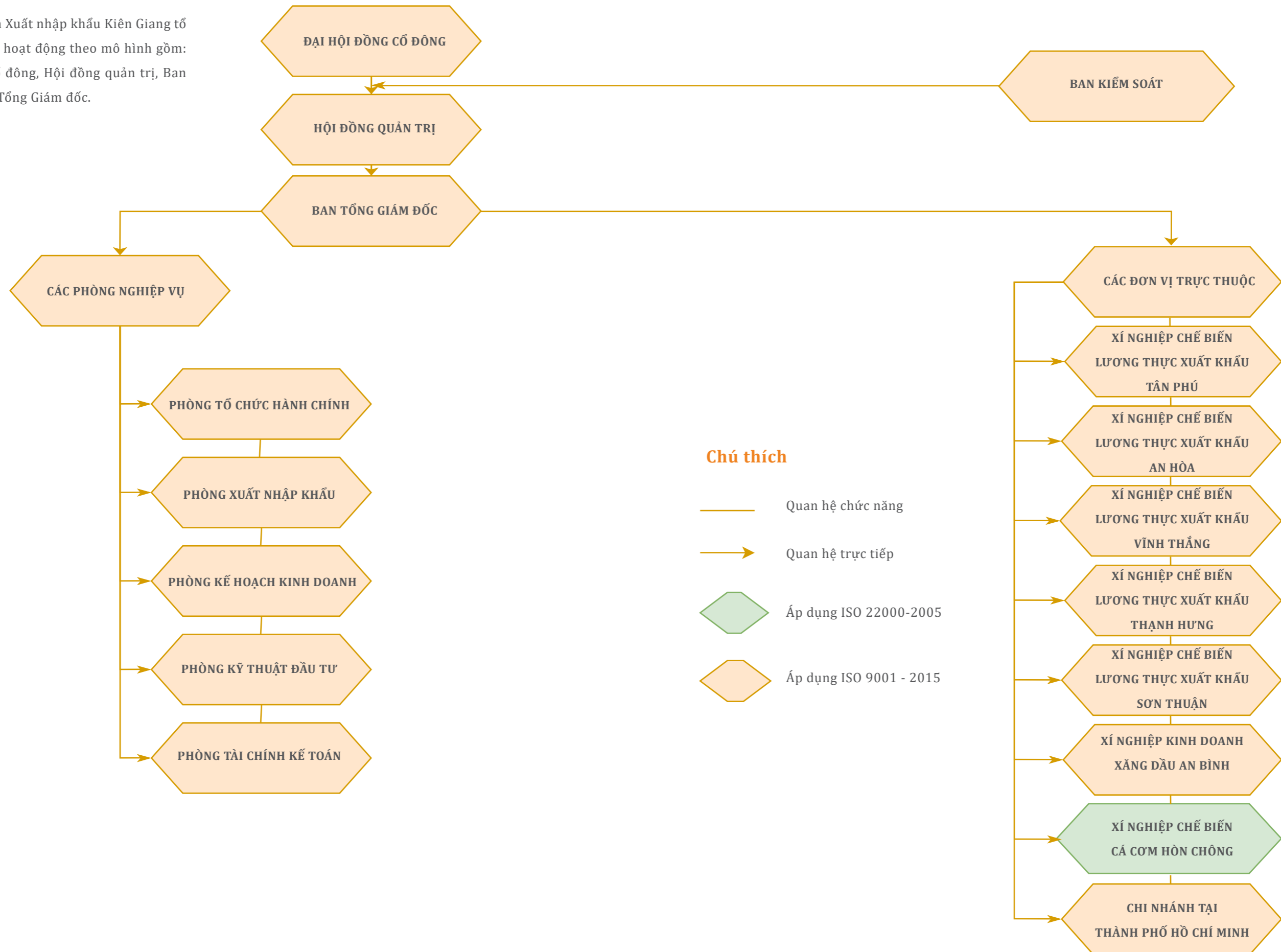
Ngoài ra, Công ty còn có Cửa hàng kinh doanh gạo chất lượng cao và hệ thống đại lý bán lẻ trên địa bàn tỉnh Kiên Giang và vùng lân cận với các sản phẩm gạo đóng túi PE từ 01 - 05 kg và bao PP từ 10 - 50 kg với các dòng sản phẩm gạo thơm, gạo đặc sản, gạo chất lượng như Đài thơm, Nàng Hoa, Jasmine, KDM, ST24, ST 25 và một sản phẩm gạo thông dụng 05%, 10% mang nhãn hiệu Gạo "Ngọc Phú".

Địa bàn kinh doanh

Sản phẩm gạo và cá Cơm của Công ty được tiêu thụ cả thị trường trong nước lẫn quốc tế. Thị trường xuất khẩu lúa, gạo của Công ty đa dạng, trực tiếp xuất khẩu đến các thị trường Châu Á, Châu Phi, Châu Âu, Châu Mỹ đặc biệt trong năm 2022 công ty đã xuất khẩu gạo vào thị trường Trung đông và qua kênh phân phối với các tập đoàn, công ty lớn có trụ sở tại Châu Âu, Singapore,... Đối với các mặt hàng Cá Cơm, ngoài phần lớn tiêu thụ nội địa thì thị trường Singapore, Trung Quốc và Malaysia cũng là thị trường tiêu thụ mang lại doanh thu lớn cho sản phẩm Cá Cơm.

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc.



THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ (TT)

CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty không có Công ty con, Công ty liên kết

CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

STT	Đơn vị trực thuộc	Địa chỉ
1	Xí nghiệp Chế biến lương thực Xuất khẩu Tân Phú	Ấp Tân Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.
2	Xí nghiệp Chế biến lương thực Xuất khẩu Vĩnh Thắng	Tổ 4, ấp Vĩnh Tiến, xã Vĩnh Thắng, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.
3	Xí nghiệp Chế biến Cá Cơm Hòn Chông	Xã Bình An, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.
4	Xí nghiệp kinh doanh xăng dầu An Bình	44 Ngô Thời Nhiệm, phường An Bình, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.
5	Xí nghiệp Chế biến lương thực Xuất khẩu Thạnh Hưng	Ấp Thạnh Trung, xã Thạnh Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.
6	Xí nghiệp Chế biến lương thực Xuất khẩu Sơn Thuận	Ấp Vàm Răng, xã Sơn Kiên, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.
7	Xí nghiệp Chế biến lương thực Xuất khẩu An Hòa	44 Ngô Thời Nhiệm, phường An Bình, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- + Ban lãnh đạo của công ty đã xác định rõ mục tiêu chính của công ty là tạo ra giá trị bền vững trên nhiều mặt khác nhau, bao gồm chất lượng sản phẩm, chất lượng dịch vụ khách hàng và giá trị cốt lõi của công ty, được thể hiện thông qua các chỉ tiêu như lợi nhuận và doanh thu. Mục tiêu này giúp công ty tiến xa hơn trên thị trường nội địa và quốc tế, đồng thời giúp mặt hàng của Việt Nam được nhiều người biết đến hơn ở các nước khác.
- + Ngoài việc tập trung vào phát triển kinh doanh, công ty cũng đặt mục tiêu nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp. Để đạt được mục tiêu này, công ty không ngừng xây dựng đội ngũ lãnh đạo, đội ngũ

quản lý và đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp và có năng lực. Việc này giúp công ty duy trì và phát triển vững chắc trong thời gian dài và đóng góp tích cực vào sự phát triển của đất nước



Tầm nhìn

Trở thành Công ty hàng đầu cả nước trong lĩnh vực xuất nhập khẩu lương thực thông qua “Chất lượng - Uy tín - An toàn - Hiệu quả” và thương hiệu gạo nổi tiếng thế giới

Sứ mệnh

Sứ mệnh của Công ty là tạo ra các sản phẩm ổn định và chất lượng cao để đáp ứng nhu cầu của khách hàng, đồng thời góp phần xây dựng thương hiệu sản phẩm Việt trên thị trường thế giới. Để đạt được mục tiêu này, Kigimex luôn tập trung vào việc cải tiến công nghệ, nâng cấp và đầu tư mới trang thiết bị, nhằm tăng cường hiệu quả sản xuất và nâng cao chất lượng sản phẩm

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang cam kết nâng cao công tác xây dựng thương hiệu và văn hóa doanh nghiệp, tập trung vào sự phát triển sản xuất kinh doanh với tầm nhìn xa hơn trong tương lai. Để đạt được mục tiêu đó, Công ty không ngừng tìm kiếm và lựa chọn các đối tác tiềm năng về vốn, kỹ thuật, năng lực quản trị. Việc lựa chọn đối tác là một công tác quan trọng, đòi hỏi Công ty cần đánh giá dựa trên nhiều tiêu chí chọn lọc để đảm bảo hiệu quả kinh doanh và lợi ích cho các bên liên quan. Ngoài ra, Công ty cũng tập trung vào việc nâng cao năng lực quản trị, nghiên cứu và áp dụng các phương pháp quản lý tiên tiến để tối đa hóa lợi nhuận và tăng cường sức cạnh tranh. Cùng với việc tập trung vào sản xuất kinh doanh, Công ty cũng đặt sự quan trọng vào tác động môi trường bằng việc đánh giá tác động môi trường của các phân xưởng, nhà máy chế biến để đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng đến cộng đồng dân cư.

- + Công ty không chỉ tập trung vào việc phát triển ngành nghề chính mà còn mở rộng các loại hình dịch vụ và kinh doanh mới để đa dạng hóa nguồn thu. Đồng thời, Công ty cũng đầu tư vào các thiết bị chuyên ngành và áp dụng các cải tiến kỹ thuật đổi mới công nghệ để cải thiện chất lượng sản phẩm và tăng độ tin cậy

- + Cùng với sự phát triển của kinh tế hiện đại, khả năng cạnh tranh của một doanh nghiệp không chỉ phụ thuộc vào chất lượng sản phẩm mà còn đến công nghệ và khả năng sáng tạo. Vì vậy, để đạt được mục tiêu phát triển bền vững, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang cam kết luôn sẵn sàng đổi mới việc vận hành sản xuất và thích nghi với sự phát triển của từng giai đoạn, đồng thời xây dựng văn hóa doanh nghiệp đúng chuẩn.
- + Để đảm bảo chất lượng đội ngũ cán bộ lao động, Công ty đã thực hiện quá trình đào tạo bài bản và xây dựng trên cơ sở có kiến thức chuyên môn nghiệp vụ giỏi, có tầm nhìn đáp ứng được mọi yêu cầu của công việc, đồng thời có bản lĩnh chính trị và đạo đức, lối sống tốt. Bên cạnh đó, Công ty còn phối hợp với các tổ chức Đảng, đoàn thể để chăm lo thật tốt đời sống vật chất của cán bộ công nhân viên, tuyên truyền ý thức về việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và tham nhũng đến từng cá nhân.

Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

Ngoài việc tập trung phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh thì Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang cũng rất chú trọng đến các chính sách bảo vệ môi trường cũng như giá trị cống hiến cho xã hội.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty đặc biệt quan tâm, luôn chấp hành tốt và có những hành động thiết thực với vấn đề môi trường, xã hội và cộng đồng.

- + Đối với môi trường: Công ty không chỉ quan tâm đến lợi ích kinh tế mà còn đặt mục tiêu bảo vệ môi trường lên hàng đầu. Kigimex cam kết thực hiện đầy đủ và chính xác các chính sách bảo vệ môi trường, đồng thời sử dụng tài nguyên thiên nhiên một cách hợp lý và tiết kiệm. Công ty đã đầu tư vào việc xây dựng hệ thống xử lý chất thải, nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực đến đời sống sinh vật và cộng đồng dân cư xung quanh. Các nghiên cứu cũng được liên tục thực hiện, kết hợp với áp dụng các giải pháp tiên tiến trong việc

bảo vệ môi trường và sử dụng tài nguyên một cách bền vững, góp phần xây dựng một tương lai bền vững cho thế hệ tương lai..

- + Đối với trách nhiệm với xã hội, Công ty đã thực hiện một loạt các hoạt động xã hội nhằm hỗ trợ cho đời sống cộng đồng địa phương. Đặc biệt, Công ty đã tích cực tham gia vào các hoạt động tình nguyện và từ thiện, hỗ trợ cho những hoàn cảnh khó khăn. Ngoài ra, Công ty cũng đẩy mạnh việc khuyến khích tham gia các hoạt động xã hội và tình nguyện, đồng thời định hướng cán bộ nhân viên của mình đóng góp cho sự phát triển của xã hội. Sứ mệnh này của Công ty được thể hiện qua việc xây dựng các chương trình tình nguyện và từ thiện, đồng thời thúc đẩy trách nhiệm xã hội của tất cả cá nhân trong Công ty.

CÁC RỦI RO



Rủi ro kinh tế

Các yếu tố quan trọng của nền kinh tế, bao gồm tốc độ tăng trưởng, lạm phát, tăng trưởng tín dụng, tỷ giá hối đoái và tỷ lệ thất nghiệp, đều có tác động trực tiếp đến hoạt động và kết quả kinh doanh của CTCP Xuất nhập khẩu Kiên Giang. Trong năm 2022, nền kinh tế Việt Nam đối mặt với một số thách thức do tình hình kinh tế thế giới bất ổn. Xung đột quân sự giữa Nga và Ukraina đã kéo dài gây ra sự bất ổn trên thị trường toàn cầu. Ngoài ra, lạm phát đang đạt đến mức cao nhất trong nhiều thập kỷ tại Mỹ và Châu Âu, gây áp lực lên giá cả của các nguyên liệu đầu vào, đồng thời tăng nguy cơ bất ổn địa chính trị và đứt gãy chuỗi cung ứng. Tất cả những yếu tố này đều có tác động đến hoạt động và kết quả kinh doanh của Công ty trong năm 2022.

Trong năm vừa qua, mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức, nền kinh tế Việt Nam đã phục hồi mạnh mẽ. Sự ổn định của nền kinh tế vĩ mô và tình hình lạm phát được giữ trong tầm kiểm soát, trong khi môi trường đầu tư kinh doanh đã được cải thiện, đóng góp tích cực cho quá trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Theo Tổng cục Thống kê, GDP của Việt Nam trong năm 2022 đã tăng 8,02% so với năm 2021, vượt xa kế hoạch đề ra là 5,44% và đây là mức tăng trưởng cao nhất kể từ năm 2011 đến nay. Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, năm 2022, lượng gạo xuất khẩu đạt gần 7,3 triệu tấn, trị giá 3,54 tỷ USD, tăng

16,3% về khối lượng và 6,9% về giá trị so với năm trước. Kết quả này vượt xa mức xuất khẩu 2,63 tỷ USD năm 2020 và 2,88 tỷ USD năm 2021, là mức xuất khẩu gạo cao nhất từ trước đến nay. Giá bình quân của gạo xuất khẩu Việt Nam trong năm 2022 đạt 485 USD/tấn, cao nhất trên thế giới, vượt qua các đối thủ là Ấn Độ và Thái Lan. Theo Hiệp hội Lương thực Việt Nam (VFA), giá gạo xuất khẩu bình quân của Việt Nam tăng cao nhờ sự dịch chuyển mạnh sang phân khúc gạo thơm và gạo chất lượng cao.

Việc phục hồi và phát triển của nền kinh

tế Việt Nam trong những năm tiếp theo là điều được kỳ vọng. Tuy nhiên, Công ty vẫn hết sức thận trọng vì tình hình kinh tế thế giới vẫn đang biến động với nhiều yếu tố phức tạp và khó dự báo. Với hoạt động xuất nhập khẩu, Công ty luôn cập nhật và theo dõi sát diễn biến kinh tế vĩ mô để đưa ra các quyết định và hướng đi phù hợp. Nhờ đó, Công ty dễ dàng thích ứng và ứng phó với những tác động tiêu cực, giảm thiểu tối đa ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của mình.

CÁC RỦI RO (TT)

Rủi ro thời tiết và môi trường

Sản phẩm chính của Công ty là lúa, gạo, do đó Công ty luôn quan tâm đến điều kiện thời tiết, dịch bệnh và môi trường bởi những yếu tố này ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng cũng như chi phí đầu vào của sản phẩm. Tình trạng biến đổi khí hậu toàn cầu gây ra các hiện tượng thời tiết cực đoan như hạn mặn, ngập úng, lũ lụt, nhiệt độ cao dẫn đến các thiệt hại trong quá trình trồng trọt và sản xuất lúa gạo.

Lúa dễ bị ảnh hưởng bởi khí hậu khắc nghiệt, biến động thời tiết và bệnh dịch cây trồng. Nhiệt độ tăng cao dẫn đến gia tăng bốc hơi nước, làm khô đất, làm ảnh hưởng quá trình thụ phấn, đặc biệt là đối với lúa – loại cây trồng có độ nhạy cảm cao. Nhờ vào vị trí đặc địa có diện tích tự nhiên lớn nhất trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long cùng với khí hậu nhiệt đới gió mùa, nóng ẩm quanh năm, sự sinh trưởng và phát triển của cây lúa ở đây càng thuận lợi hơn.

Với sự thuận lợi về điều kiện tự nhiên, Kiên Giang trở thành một trong những tỉnh có sản lượng lúa cao của Đồng bằng sông Cửu Long. Theo Cục Thống kê Kiên Giang, diện tích gieo sạ cả 3 vụ đạt gần 703.000 ha, năng suất bình quân là 6,08 tấn/ha, sản lượng ước tính 4,42 triệu tấn, tương đương với kế hoạch và cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, Kiên Giang cũng có những khó khăn khi là tỉnh nằm ven biển, nước mặn có thể ảnh hưởng đến việc trồng lúa của nông dân, nhất là vào mùa khô.

Hiện nay, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang triển khai đề án “Phát triển bền vững 1 triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao gắn với tăng trưởng xanh vùng ĐBSCL”. Qua đó nhằm hình thành vùng nguyên liệu hàng hóa tập trung quy mô lớn ổn định lâu dài, tạo thuận lợi để tổ chức lại sản xuất lúa gạo theo hướng hiện đại, đáp ứng đa mục tiêu là nâng cao giá trị gia tăng trong chuỗi lúa gạo và thu nhập cho nông dân; bảo đảm an ninh lương thực và phục vụ chế biến, xuất khẩu gạo đạt hiệu quả cao, giảm phát thải khí nhà kính, thích ứng với biến đổi khí hậu...

Công ty luôn quan tâm đến những vấn đề có thể gây ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng lúa. Do đó, Công ty thường xuyên theo dõi những thay đổi bất thường của thời tiết và môi trường. Đồng thời, Công ty cũng bổ sung kiến thức về sâu bệnh cho nông dân nhằm hạn chế khả năng xảy ra dịch bệnh trên cây lúa.

Rủi ro pháp luật

Hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang phải tuân thủ các quy định pháp luật liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, bao gồm các luật như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thương mại, Luật Kế toán và các luật thuế, và còn chịu ảnh hưởng từ các Nghị định, Thông tư và các văn bản liên quan đến hoạt động thu mua, chế biến và xuất nhập khẩu lương thực. Do quá trình hội nhập và phát triển của đất nước, nhiều văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh thường xuyên được điều chỉnh, sửa đổi và bổ sung. Vì vậy, Công ty phải thường xuyên cập nhật và nắm bắt các thay đổi trong quy định pháp luật, đồng thời triển khai hướng dẫn, tuyên truyền và phổ biến pháp luật trong toàn Công ty, nhằm giảm thiểu rủi ro không đáng có trong hoạt động kinh doanh

Rủi ro tỷ giá

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang tập trung vào hoạt động xuất khẩu lương thực đến các thị trường Đông Nam Á và Châu Phi. Vì vậy, tỷ giá là mối quan tâm hàng đầu của công ty, đặc biệt là sự biến động của đồng USD - đồng tiền được sử dụng phổ biến hiện nay. Trong năm 2022, việc tăng lãi suất không ngừng từ quý I của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) đã ảnh hưởng đến việc điều hành chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) Việt Nam. Để ứng phó với những diễn biến khó lường của thị trường quốc tế và định hướng thắt chặt chính sách tiền tệ, tăng lãi suất của Fed và các Ngân hàng trung ương trên thế giới, NHNN đã ban hành Quyết định số 1747/QĐ-NHNN thực hiện điều chỉnh biên độ tỷ giá giao ngay giữa đồng Việt Nam và đô la Mỹ từ +-3% lên +-5%. Việc đồng USD tăng giá sẽ ảnh hưởng tích cực đến các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu, đặc biệt là công ty xuất khẩu hàng hóa chủ yếu sử dụng nguyên liệu trong nước. Tuy nhiên, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang luôn đề cao sự cẩn trọng trong hoạt động kinh doanh, theo dõi những biến động tỷ giá, phân tích và ước tính rủi ro của tỷ giá, và lập kế hoạch cụ thể để hạn chế rủi ro tỷ giá ở mức thấp nhất có thể



Rủi ro giá nguyên vật liệu

Công ty kinh doanh chủ yếu ba ngành hàng là ngành hàng lương thực, thực phẩm và xăng dầu. Nguồn nguyên liệu chính của ba ngành hàng này là lúa, gạo, cá cơm tươi và xăng, dầu.

- Đối với ngành hàng lương thực và thực phẩm chế biến thì giá đầu vào thường xuyên biến động bởi yếu tố mùa vụ và quan hệ cung - cầu trên thị trường. Lúa, gạo trong mùa vụ Đông Xuân thường mang về sản lượng và chất lượng cao nên Công ty thường đưa ra trước các kế hoạch thu mua hợp lý, nhằm đáp ứng đủ điều kiện để xuất khẩu theo đơn đặt hàng và dự trữ để phân phối lẻ. Ngoài ra, Công ty cũng tiến hành thu mua cá cơm khi vào mùa khai thác, thường là khoảng đầu tháng chín âm lịch, khi thời tiết bắt đầu chuyển sang gió bắc. Với mỗi kế hoạch thu mua, Công ty luôn tính toán kỹ nhằm hạn chế những rủi ro ảnh hưởng đến lợi ích của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng thường xuyên mở rộng mối quan hệ hợp tác lâu dài với các nhà cung cấp để có được nguồn nguyên liệu với mức giá hợp lý.

- Đối với ngành hàng xăng, dầu, bất kỳ yếu tố nào khiến cho quá trình sản xuất bị gián đoạn sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến giá như những biến đổi về thời tiết hay bất ổn chính trị,... Đặc biệt, vào ngày 24/2/2022, xung đột giữa Nga và Ukraine đã xảy ra và kéo dài cho đến hiện nay. Cuộc chiến đã gây ra tác động mạnh mẽ cả trên phương diện mặt kinh tế lẫn chính trị trên toàn cầu. Sau đó, Mỹ, Liên minh châu Âu và nhiều quốc gia trên thế giới đã áp đặt các biện pháp cấm vận kinh tế và chính trị đối với Nga - một trong những quốc gia sản xuất và cung cấp dầu mỏ lớn nhất thế giới. Hậu quả của việc này là thị trường toàn cầu như tài chính, tiền tệ, vận tải, nguyên vật liệu và nhiên liệu, trong đó bao gồm dầu mỏ, đã bị tác động mạnh. Kết quả là năm 2022 đã xảy ra khủng hoảng nguồn cung dầu mỏ và giá đầu đã biến động ở nhiều quốc gia trên thế giới với mức độ tác động khác nhau. Nhằm giảm thiểu tác động của rủi ro này đến hoạt động kinh doanh, Công ty tập trung vào việc quản trị rủi ro và theo dõi diễn biến kinh tế vĩ mô để đưa ra các chính sách quản lý hàng tồn kho, tính toán và kiểm soát giá cả đầu vào. Điều này giúp Công ty tăng tính chủ động trong kiểm soát rủi ro và giảm thiểu thiệt hại tài chính.

Rủi ro cạnh tranh

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang không chỉ tập trung vào thị trường tiêu thụ nội địa mà còn mở rộng ra các quốc gia nước ngoài. Vì vậy, Công ty đang phải đối mặt với áp lực cạnh tranh từ các doanh nghiệp trong nước và quốc tế như Thái Lan, Ấn Độ và nhiều quốc gia khác, bao gồm cả những nước mới gia nhập vào thị trường như Campuchia, Myanmar và Pakistan. Để đáp ứng nhu cầu của khách hàng trong thị trường xuất khẩu gạo đầy cạnh tranh, Công ty phải không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm và thích ứng với thị hiếu của khách hàng. Ngoài ra, Công ty cũng cố gắng nâng cao khả năng cạnh tranh và mở rộng thị trường thông qua việc phân tích và tìm kiếm thị trường tiềm năng và nhu cầu của khách hàng. Từ đó, Công ty muốn xây dựng thương hiệu Kigimex mạnh mẽ và uy tín trên cả thị trường trong nước và quốc tế.



Rủi ro khác

Hoạt động kinh doanh của Công ty phải đối mặt với nhiều rủi ro khách quan mà Công ty khó kiểm soát được, chẳng hạn như rủi ro do biến động dịch bệnh, hỏa hoạn, thiên tai... Mặc dù những rủi ro này hiếm gặp nhưng nếu xảy ra sẽ gây ra những khó khăn đáng kể cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Chính vì thế, Công ty thực hiện các biện pháp giảm thiểu rủi ro này bằng cách kiểm tra, bảo trì và đảm bảo tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về phòng cháy và chữa cháy, cập nhật thông tin về thời tiết và thực hiện đầy đủ bảo hiểm cần thiết để bảo vệ tài sản của Công ty và các bên liên quan. Đồng thời, Công ty có kế hoạch ứng phó khẩn cấp và sẵn sàng đối phó với các tình huống không mong muốn nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực đến hoạt động kinh doanh của Công ty và đảm bảo an toàn cho cộng đồng xung quanh.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Hoạt động sản xuất kinh doanh	29
Tổ chức, nhân sự	31
Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án	39
Tình hình tài chính	41
Tình hình cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	47
Báo cáo phát triển bền vững	49



HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% 2022/ 2021
1	Tổng giá trị tài sản	916.913	1.008.234	109,96%
2	Doanh thu thuần	4.625.436	4.258.634	92,07%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	17.027	20.769	121,98%
4	Lợi nhuận khác	779	-9.812	-1259,80%
5	Lợi nhuận trước thuế	17.806	10.956	61,53%
6	Lợi nhuận sau thuế	13.827	5.681	41,08%



Nhận xét

Năm 2022 là một năm khá khó khăn với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các ảnh hưởng tiêu cực từ bất ổn địa chính trị thế giới, cụ thể là chiến tranh Nga - Ukraina khiến giá năng lượng biến động bất thường, lạm phát tăng cao ở nhiều nước dẫn đến hoạt động của Công ty cũng bị ảnh hưởng theo. Kết quả doanh thu thuần năm 2022 đạt 4.258.634 triệu đồng, giảm 7,93% so với cùng kỳ năm 2021, tương ứng với mức giảm 370.605 triệu đồng. Lợi nhuận sau thuế đạt 5.681 triệu đồng, tương đương 41,08% so với năm 2021, giảm 8.146 triệu đồng. Các biến động của tình hình vĩ mô đã ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty khi lợi nhuận sau thuế giảm nhiều hơn mức giảm của doanh thu thuần. Nguyên nhân lãi suất tăng làm cho chi phí lãi vay tăng nhưng Công ty lại bị khống chế chi phí lãi vay khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 của Chính phủ và phần chênh lệch tỷ giá do cuối năm tỷ giá giảm sâu so với thời điểm cuối quý III và đầu quý IV/2022. Các ngành hàng lúa gạo, cá cơm, xăng dầu đã phải chịu nhiều áp lực từ các thay đổi nêu trên, dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm không đạt như cùng kỳ năm 2021.

Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Diễn giải	ĐVT	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	So sánh % KH 2022
I Mua vào					
1	Lúa gạo quy gạo	Tấn	250.000	316.304	126,52
2	Cá cơm tươi	Tấn	1.120	1.410	125,9
3	Xăng dầu	Triệu lít	20	20,011	100,05
II Bán ra					
1	Lúa, gạo quy gạo	Tấn	250.000	327.272	130,91
	- Xuất khẩu	Tấn	230.000	262.480	114,12
	- Nội địa	Tấn	20.000	64.792	323,96
2	Cá cơm	Tấn	280	293,13	104,69
3	Xăng dầu	Triệu lít	20	20,754	103,77
III	Kim ngạch	Triệu USD	121,03	131	108,0
IV	Doanh thu	Tỷ đồng	3.450	4.258	123,40
V	Lợi nhuận	Tỷ đồng	10,9	10,956	100,52
VI	Nộp NSNN	Theo đúng quy định Nhà nước			

TỔ CHỨC NHÂN SỰ

Danh sách Ban điều hành

STT	Thành viên	Chức vụ	Cá nhân sở hữu		Đại diện sở hữu	
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
1	Dương Thị Thanh Nguyệt	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	101.500	0,40%	5.927.472	23,31%
2	Phạm Minh Trung	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	51.700	0,20%	2.542.888	10%
3	Trần Thị Điệp	Kế toán trưởng	4.500	0,02%	-	-

LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH



Bà: DƯƠNG THỊ THANH NGUYỆT
Thành viên HĐQT kiêm TGD

- » **Trình độ chuyên môn** : Cử nhân Tài chính Kế toán
- » **Quá trình công tác:**
 - + 07/1999 - 04/2001: Nhân viên Công ty Chế biến Thực phẩm xuất khẩu Kiên Giang
 - + 05/2001 - 05/2005: Nhân viên phòng Tài chính Kế toán, Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
 - + 06/2005 - 03/2009: Nhân viên phòng Tài chính Kế toán, Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
 - + 07/2009 - 05/2010: Phó phòng phòng Tài chính Kế toán, Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
 - + 06/2010 - 03/2015: Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
 - + 07/2015 - 06/2016: Trưởng phòng phòng Tài chính Kế toán, Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
 - + 07/2016 - 09/2016: Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
 - + 10/2016 - 08/05/2018: Ủy viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
 - + 09/05/2018 đến nay: Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc, người công bố thông tin Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- » **Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không có
- » **Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:** 6.028.972 cổ phần, chiếm 23,71% vốn điều lệ, trong đó gồm:
 - + Cá nhân sở hữu: 101.500 cổ phần, chiếm 0,40% vốn điều lệ.
 - + Đại diện sở hữu: 5.927.472 cổ phần, chiếm 23,31% vốn điều lệ (đại diện cho Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty cổ phần).
- » **Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác:** Không có
- » **Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:** Không có



Ông: PHẠM MINH TRUNG
Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD

- » **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Quản trị kinh doanh
- » **Quá trình công tác:**
 - + 11/1999 - 12/2006: Nhân viên Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
 - + 01/2007 - 11/2008: Quyền Giám đốc Xí nghiệp CBLT XK Kiên Long, thuộc Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
 - + 12/2008 - 03/2009: Phó phòng phòng Kế hoạch Kinh doanh - Kỹ thuật Đầu tư, Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
 - + 04/2009 - 12/2015: Giám đốc Xí nghiệp CBLT XK Vĩnh Thắng, thuộc Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
 - + 01/2016 - 06/2016: Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang kiêm Giám đốc Xí nghiệp CBLT XK Vĩnh Thắng.
 - + 07/2016 - 04/2019: Ủy viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
 - + 05/2019 - 04/2021: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
 - + 05/2021 đến nay: Ủy viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- » **Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không có
- » **Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:** 2.594.588 cổ phần, chiếm 10,2% vốn điều lệ, trong đó gồm:
 - + Cá nhân sở hữu: 51.700 cổ phần, chiếm 0,2% vốn điều lệ.
 - + Đại diện sở hữu: 2.542.888 cổ phần, chiếm 10% vốn điều lệ.
- » **Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác:** Không có
- » **Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:**

STT	Tên người có liên quan	Quan hệ với Người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu (%)
1	Quách Thúy Hằng	Vợ	5.900	0,023
2	Phạm Minh Tùng	Anh ruột	11.500	0,045

TỔ CHỨC NHÂN SỰ (TT)

LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH



Bà: TRẦN THỊ ĐIỆP
Kế toán trưởng

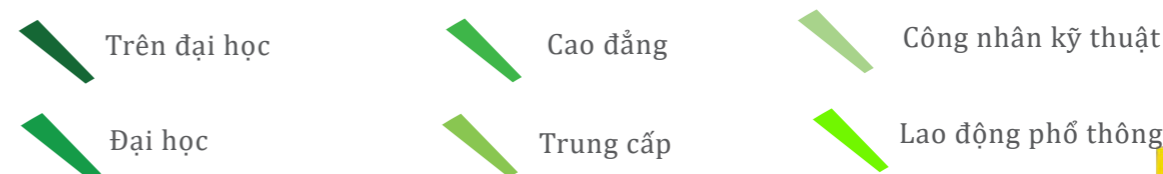
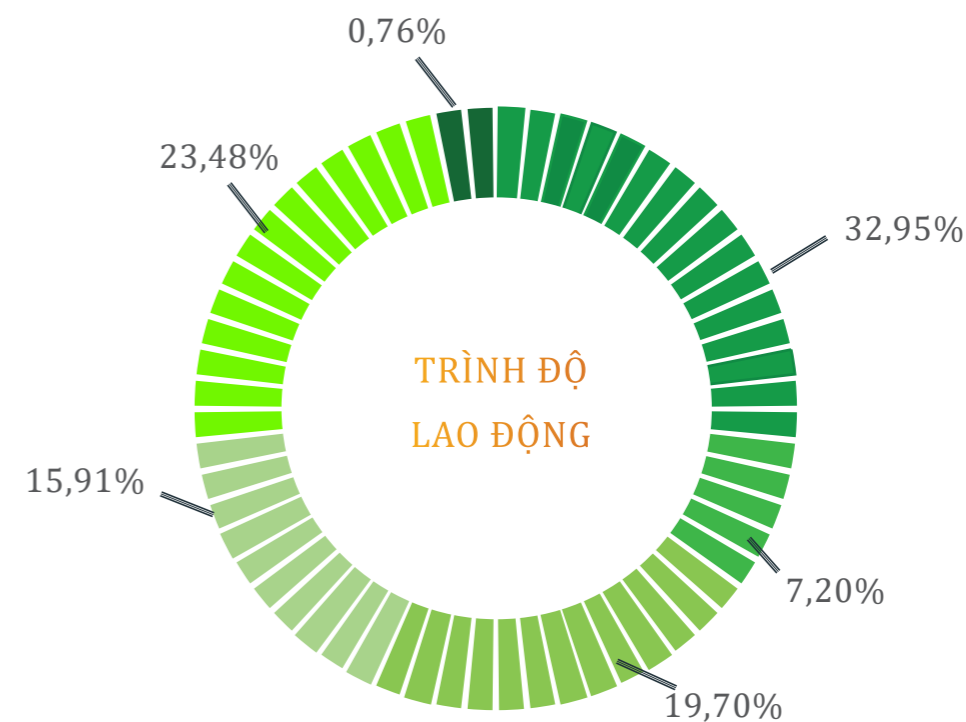
- » **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Tài chính Kế toán
- » **Quá trình công tác:**
 - + 08/1999 - 01/2001: Công tác tại Đội tham mưu tổng hợp Công an thị xã Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.
 - + 01/2001 - 09/2003: Nhân viên kế toán Nhà máy Chế biến Lương thực Xuất khẩu 1A trực thuộc Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
 - + 10/2003 - 01/2008: Nhân viên kế toán Xí nghiệp Chế biến Lương thực Xuất khẩu An Hòa trực thuộc Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
 - + 02/2008 - 04/2009: Nhân viên kế toán Phòng Tài chính kế toán Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
 - + 05/2009 - 04/2011: Tổ trưởng Tổ kế toán Xí nghiệp Chế biến Lương thực Xuất khẩu Tân Phú trực thuộc Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
 - + 05/2011 - 12/2015: Phó trưởng Phòng Tài chính kế toán Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
 - + 01/2016 - 09/2016: Phó trưởng Phòng Kế hoạch kinh doanh Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
 - + 10/2016 - 22/10/2019: Phó trưởng Phòng Tài chính kế toán Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
 - + 23/10/2019 - 01/2022: Phụ trách kế toán Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
 - + 02/2022 đến nay: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- » **Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không có
- » **Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:** 4.500 cổ phần, chiếm 0,02% 00 cổ phần, chiếm 0,02% vốn điều lệ.
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
- » **Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác:** không có
- » **Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:** không có

Danh sách thay đổi thành viên Ban Điều hành

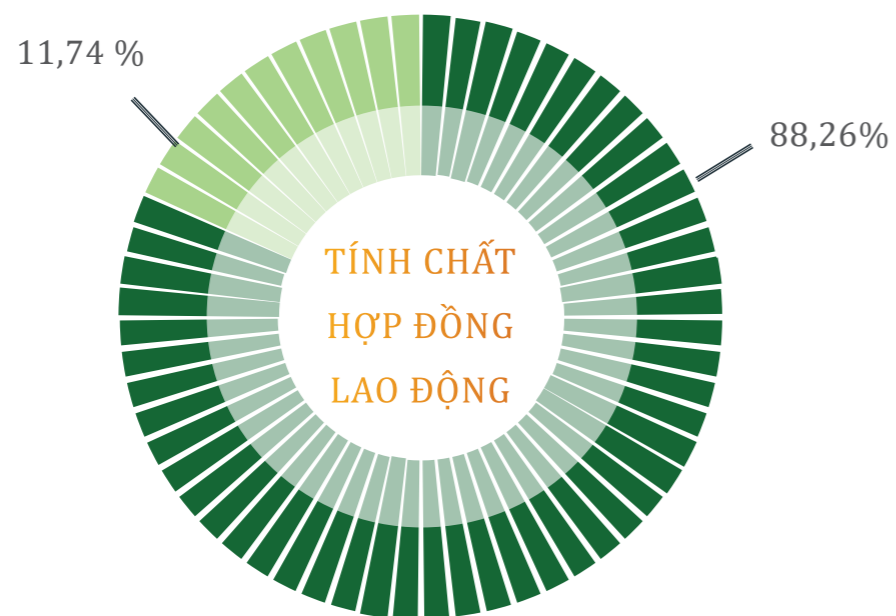
STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Trần Thị Điệp	Kế toán trưởng	25/01/2022	-

Số lượng cán bộ, công nhân viên

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
A	Theo trình độ	264	100,00%
1	Trên đại học	2	0,76%
2	Đại học	87	32,95%
3	Cao đẳng	19	7,20%
4	Trung cấp	52	19,70%
5	Công nhân kỹ thuật	42	15,91%
6	Lao động phổ thông	62	23,48%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	264	100,00%
1	Hợp đồng không thời hạn	233	88,26%
2	Hợp đồng xác định từ 1 - 3 năm	31	11,74%
3	Hợp đồng theo thời vụ (dưới 1 năm)	-	-
C	Theo giới tính	264	100,00%
1	Nam	198	75,00%
2	Nữ	66	25,00%

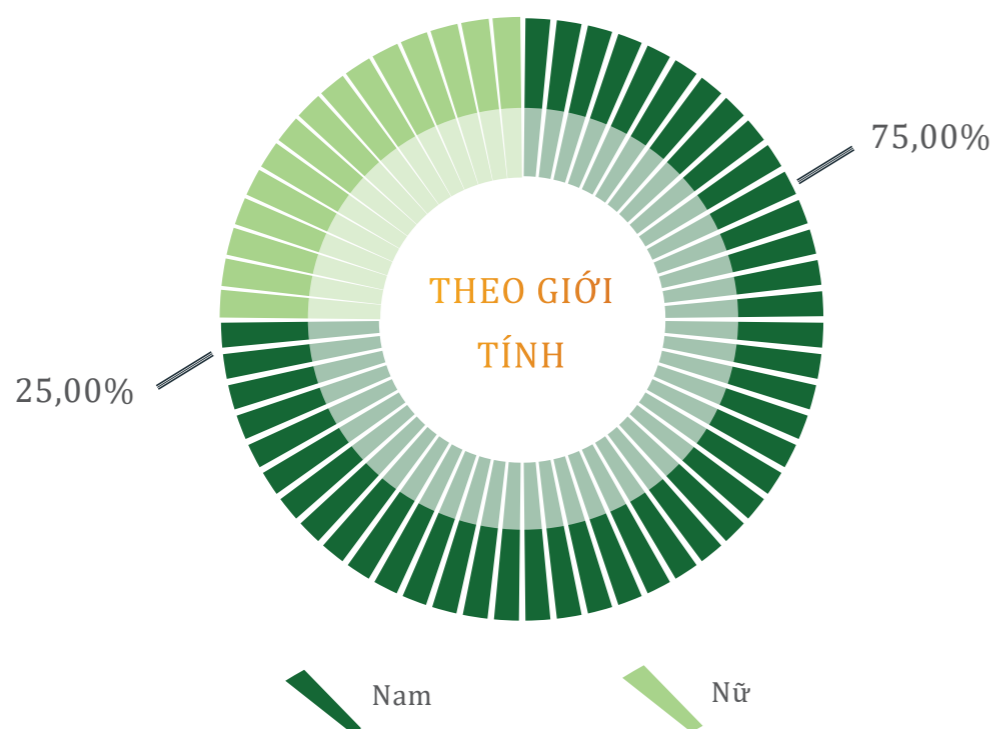


TỔ CHỨC NHÂN SỰ (tiếp theo)



Hợp đồng theo thời hạn

Hợp đồng xác định từ 1 - 3 năm

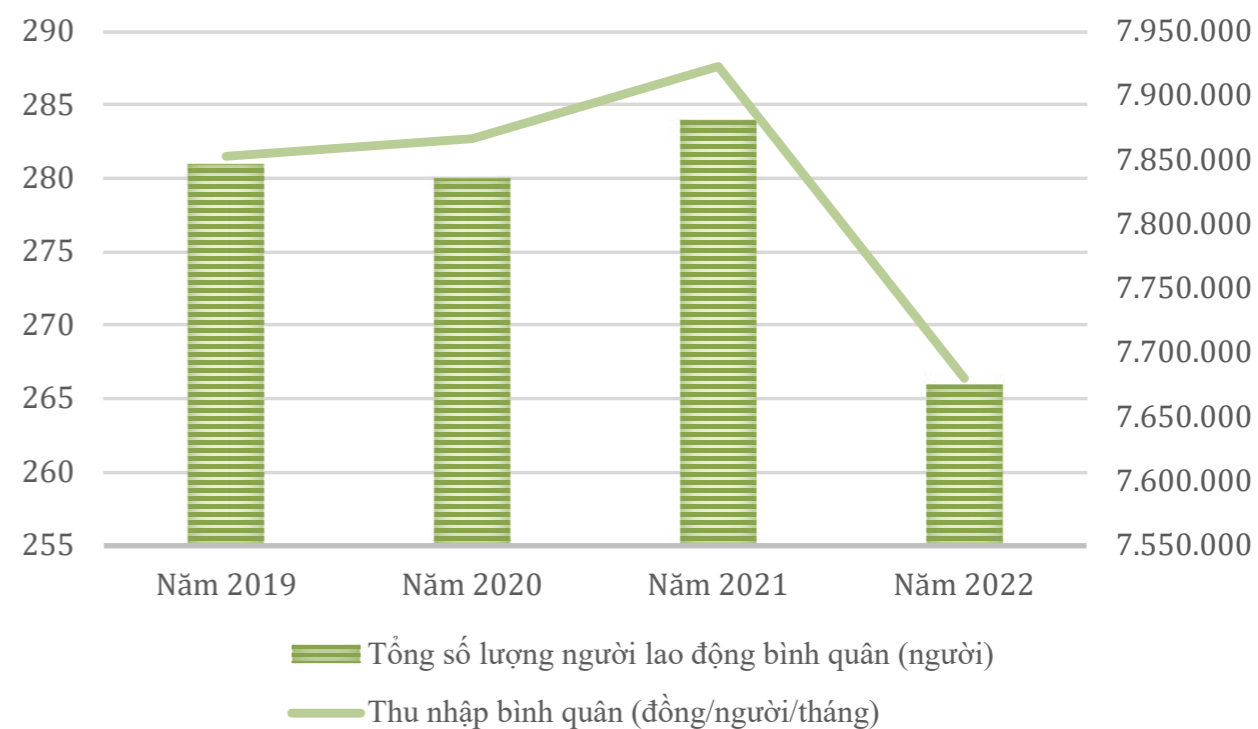


Nam

Nữ

Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Tổng số lượng người lao động (người)	281	280	284	264
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	7.853.000	7.867.000	7.923.000	7.680.000



Tổng số lượng người lao động bình quân (người)

Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)



CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

Về đào tạo

Hoạt động kinh doanh của Công ty ngày càng phát triển và mở rộng hơn, đòi hỏi chất lượng nhân sự phải đáp ứng được các công việc hiệu quả. Chính vì vậy, người lao động sau khi vượt qua quá trình tuyển dụng để trở thành nhân viên thực thụ của Công ty phải tham gia đào tạo theo kế hoạch mà Công ty xây dựng hằng năm phù hợp với từng vị trí công việc cũng như năng lực cá nhân. Các lớp đào tạo được Công ty tổ chức không chỉ giúp người lao động nâng cao trình độ chuyên môn, có thêm những kỹ năng cần thiết mà còn hiểu rõ hơn về văn hóa cũng như cách làm việc của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng thường xuyên tổ chức các khóa hội thảo nội bộ, mục tiêu chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm thực tế giữa các đơn vị với nhau, vừa tiết kiệm chi phí vừa mang lại hiệu quả thiết thực.

Về tuyển dụng

Công ty luôn quan tâm đến chất lượng nhân sự nên mọi công tác tuyển chọn đầu vào của Công ty diễn ra khá khắt khe và dựa trên nhiều tiêu chuẩn được công bố rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng. Tùy vào từng vị trí mà Công ty sẽ quyết định tiêu chuẩn tuyển dụng như thế nào, vị trí càng cao thì càng đòi hỏi ứng viên phải có năng lực, kiến thức chuyên môn và kỹ năng vượt trội hơn. Người lao động tham gia ứng tuyển phải đảm bảo đáp ứng được những yêu cầu mà Công ty đưa ra tùy theo từng vị trí. Bên cạnh những tiêu chí tuyển dụng chuyên môn thì thái độ và tinh thần làm việc cũng là yếu tố để Công ty ưu tiên lựa chọn. Với Công ty, nguồn nhân sự giỏi sẽ góp phần giúp hoạt động kinh doanh phát triển. Chính vì vậy, Công ty luôn ưu tiên tuyển chọn những cá nhân có năng lực nổi bật, có thể đáp ứng được nhu cầu nhân sự của Công ty. Trong quá trình tuyển chọn, Công ty cam kết thực hiện một cách minh bạch, đảm bảo không bỏ qua những ứng viên có năng lực tốt.

Môi trường công việc

Để thu hút nhân tài cũng như giữ chân những nhân viên kỳ cựu, Công ty luôn tạo ra những chính sách lương, thưởng và các chế độ đãi ngộ hấp dẫn. Người lao động khi làm việc tại Công ty sẽ được đảm bảo nhận đầy đủ lương đúng thời gian, tránh các trường hợp trả lương chậm, thiếu sót, gây ra khó khăn kinh tế cho đời sống của cán bộ nhân viên. Đối với những nhân viên có đóng góp nổi bật trong hoạt động kinh doanh sẽ được Công ty ghi nhận và dành riêng các khoản thưởng xứng đáng. Các chính sách khen thưởng được áp dụng gắn liền với kết quả công việc, luôn đảm bảo được đánh giá trên tinh thần công bằng. Từ đó, tạo được động lực giúp nhân viên làm việc hiệu quả hơn

Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

Nhận thức được tầm quan trọng của môi trường làm việc đối với người lao động, Công ty luôn cố gắng tạo điều kiện tốt nhất để xây dựng một môi trường làm việc năng động, an toàn, công bằng, thân thiện, nơi mà môi trường lao động đều cảm thấy là một phần của Công ty. Công ty luôn hướng đến văn hóa bình đẳng, tạo nên sự thân thiết, hạn chế gò bó để nhân viên có thể làm việc thoải mái nhất, từ đây giúp cho năng suất làm việc tăng cao và có hiệu quả hơn. Bên cạnh việc được chăm lo về mặt vật chất thì Công ty cũng rất quan tâm đến tình hình sức khỏe và đời sống tinh thần lao động của nhân viên. Để đảm bảo an toàn sức khỏe cho đội ngũ nhân viên của mình, Công ty luôn thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cũng như có những khoản trợ cấp hỗ trợ khi cán bộ nhân viên ốm đau, nghỉ thai sản. Ngoài ra, các hoạt động văn nghệ, giao lưu, du lịch cũng được Công ty tổ chức hằng năm nhằm giúp nhân viên có thể giải trí, giảm áp lực trong công việc



TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Kết quả thực hiện đầu tư năm 2022: Công ty đã triển khai được 11/16 hạng mục, tổng giá trị thực hiện 5,99 tỷ đồng, đạt 40,57% so với Nghị quyết ĐHĐCĐ (Nghị quyết ĐHĐCĐ 14,77 tỷ đồng). Trong đó: vốn vay là 3,59 tỷ đồng, vốn công ty và quỹ đầu tư phát triển là 2,40 tỷ đồng. Nguyên nhân, chưa triển khai thực hiện đầu tư một số hạng mục theo kế hoạch được duyệt là do:



- » 03 hạng mục chưa thực hiện chuyển tiếp sang năm 2023: (1) Đầu tư tàu thu mua cá cơm (tàu đã qua sử dụng) thuộc Xí nghiệp Hòn Chông do đơn vị bán chưa thực hiện kịp thủ tục chuyển đổi giấy chứng nhận kỹ thuật an toàn tàu cá kịp thời; (2) Đầu tư cửa hàng xăng dầu An Biên, (3) Xây dựng mới nhà tập thể + nhà ăn thuộc Xí nghiệp An Bình do ngành hàng xăng dầu trong năm gặp khó khăn do đó giãn thời gian đầu tư chuyển qua năm 2023.
- » 02 hạng mục không thực hiện đầu tư: (1) Đầu tư băng tải ngang nhập xuất hàng thuộc Xí nghiệp Vĩnh Thắng do Xí nghiệp tận dụng băng tải cũ sử dụng lại nên không đầu tư mới; (2) Mua mới xe tải 750 kg cho Cửa hàng kinh doanh gạo chất lượng cao thuộc Xí nghiệp An Hòa do Xí nghiệp chưa có nhu cầu sử dụng.



Ngoài ra, trong năm 2022 có 02 hạng mục đầu tư mang tính cấp thiết để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị, cụ thể:

- » Đầu tư 01 máy dò kim loại tại Xí nghiệp Sơn Thuận để đáp ứng yêu cầu của khách xuất khẩu, bắt buộc gạo phải qua máy dò kim loại đạt yêu cầu mới xuất được hàng.
- » Đầu tư 01 máy phòng cháy chữa cháy tại Xí nghiệp An Bình thay thế máy cũ không đủ công suất và Cơ quan phòng cháy chữa cháy yêu cầu phải thay thế máy mới có công suất lớn hơn để đảm bảo quy định về công tác an toàn phòng cháy chữa cháy tại Xí nghiệp theo quy định.



- » Công tác đầu tư được Công ty tổ chức thực hiện đúng quy trình và thủ tục pháp lý theo quy chế quản lý nội bộ và quy định của Pháp luật trong lĩnh vực quản lý công tác đầu tư.
- » Bên cạnh đó, Công ty xây dựng Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2022 được thông qua theo Nghị quyết số 16/NQ-XNK-HĐQT ngày 26/01/2022 với giá trị khái toán là 6,68 tỷ đồng (giá trị thuần chưa thuế và phí theo quy định). Nguồn vốn đầu tư từ vốn chủ sở hữu.



Kết quả triển khai thực hiện sửa chữa lớn năm 2022: đã thực hiện 23/25 hạng mục, tổng giá trị trên 6,45 tỷ đồng, đạt 89,9% kế hoạch, đã giải ngân là 6,45 tỷ đồng, từ nguồn vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty không có Công ty con, Công ty liên kết

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% 2022/ 2021
1	Tổng giá trị tài sản	916.913	1.008.234	109,96%
2	Doanh thu thuần	4.625.436	4.257.881	92,05%
3	Giá vốn hàng bán	4.310.955	3.794.191	88,01%
4	Chi phí tài chính	32.129	67.307	209,49%
5	Chi phí bán hàng	267.418	376.150	140,66%
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	28.675	34.438	120,10%
7	Doanh thu hoạt động tài chính	30.768	34.973	113,67%
8	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	17.027	20.769	121,98%
9	Lợi nhuận khác	779	-9.812	-1259,80%
10	Lợi nhuận trước thuế	17.806	10.956	61,53%
11	Lợi nhuận sau thuế	13.827	5.681	41,08%

NHẬN XÉT

Doanh thu thuần năm 2022 của Công ty đạt 4.257 tỷ đồng, giảm 8,95% so với cùng kỳ năm 2021. Mặc dù giá vốn hàng bán ghi nhận giảm so với năm 2021 nhưng các bất ổn của các yếu tố vĩ mô như cuộc chiến tranh Nga - Ukraine, chiến lược Zero Covid của Trung Quốc cũng như tình hình lạm phát tăng cao nhất từ trước đến nay, giá dầu mỏ và khí đốt biến động bất thường đã ảnh hưởng trực tiếp đến các chi phí của công ty, đặc biệt là chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp. Các khoản chi phí tăng lên này đã gây áp lực lên kết quả lợi nhuận sau thuế của Công ty. Lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 5,68 tỷ đồng, giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2021. Nguyên nhân lãi suất tăng làm cho chi phí lãi vay tăng nhưng Công ty lại bị khống chế chi phí lãi vay khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 của Chính phủ và phần chênh lệch tỷ giá do cuối năm tỷ giá giảm sâu so với thời điểm cuối quý III và đầu quý IV/2022. Để đạt được kế hoạch được giao, tập thể Ban lãnh đạo và cán bộ, nhân viên của Công ty phải cố gắng phấn đấu, nỗ lực hết sức ở mọi mặt công tác, nhất là công tác bán hàng.

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022
I Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
-	Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	1,09	1,09
-	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,65	0,82
II Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
-	Hệ số nợ/ Tổng tài sản	%	70,47	73,81
-	Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	238,61	281,88
III Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
-	Vòng quay hàng tồn kho	vòng	11,21	15,72
-	Vòng quay tổng tài sản	vòng	5,06	4,42
IV Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
-	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần (ROS)	%	0,30	0,13
-	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	2,34	2,12
-	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	1,51	0,59
-	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	0,37	0,49



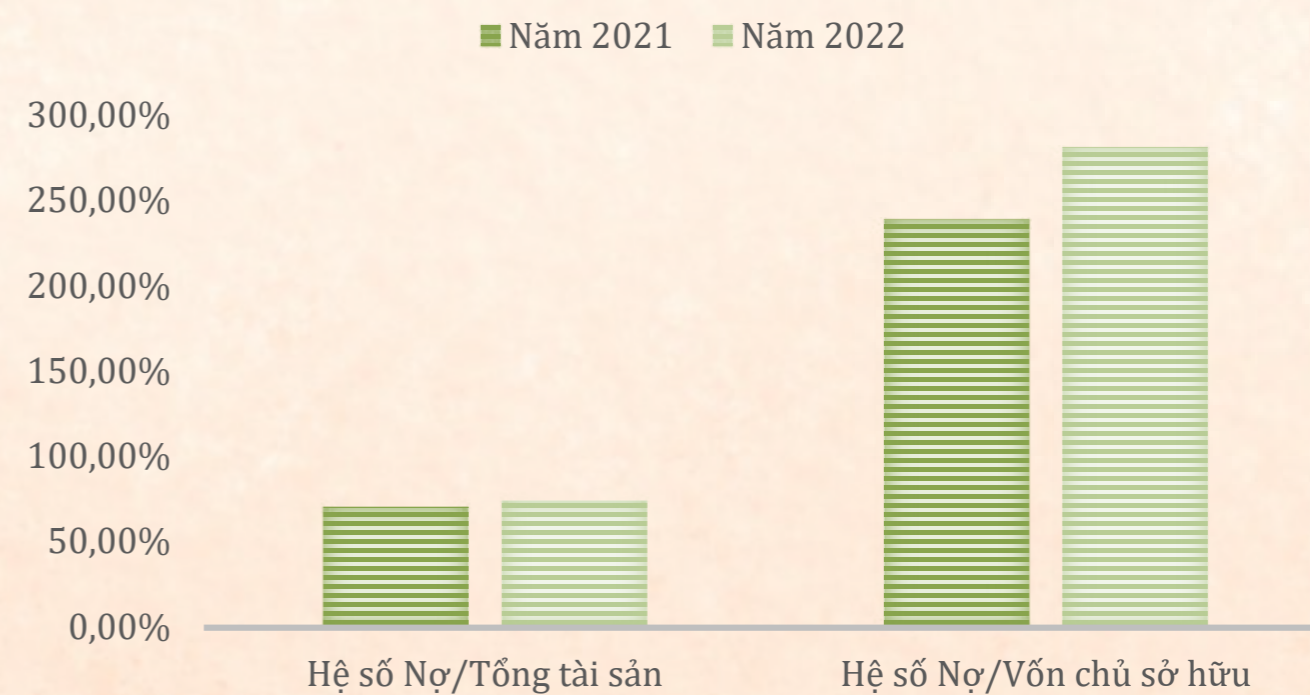
CHỈ TIÊU KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Năm 2022, Khả năng thanh toán ngắn hạn và khả năng thanh toán nhanh của Công ty không có biến động lớn so với năm 2021. Chỉ tiêu khả năng thanh toán ngắn hạn giữ mức bằng với cùng kỳ năm 2021, đạt 1,09 lần. Chỉ tiêu khả năng thanh toán nhanh tăng nhẹ từ 0,65 lần năm 2021 lên 0,82 lần năm 2022, tương đương tăng 26,91%. Trong năm, mức tăng của tài sản ngắn hạn cũng tương đương mức tăng của nợ ngắn hạn. Cụ thể, tính đến cuối năm 2022, tài sản ngắn hạn của Công ty đạt 805 tỷ đồng, tăng 13,82% và nợ ngắn hạn đạt 741 tỷ đồng, tăng 14,75%. Trong cơ cấu tài sản ngắn hạn, tiền và tương đương tiền tăng đáng kể, chiếm 58,80% tỷ trọng nợ ngắn hạn, tăng 447 tỷ đồng so với 26 tỷ đồng năm 2021, số tiền này ghi nhận là tiền gửi ngân hàng. Hai khoản mục chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tài sản ngắn hạn là phải thu ngắn hạn khách hàng và hàng tồn kho đã ghi nhận mức giảm mạnh. Phải thu ngắn hạn khách hàng năm 2022 đạt 85 tỷ đồng, giảm 70,91% tương đương giảm 207 tỷ đồng, hàng tồn kho năm 2022 đạt 214 tỷ đồng, giảm 34,53% tương đương giảm 113 tỷ đồng. Các khoản phải thu của các khách hàng lớn như Louis Dreyfus Asia PTE LTD, Sikakroabea Co.Ltd, Công ty TNHH Chế biến Lương thực Thanh Nhân đã được khách hàng tất toán cho Công ty nên ghi nhận giảm ở khoản mục này. Hàng tồn kho cũng ghi nhận giảm do Công ty hạn chế trữ hàng tồn kho trong tình hình giá nguyên vật liệu trên thế giới biến động khó lường. Tóm lại, khả năng thanh toán trong ngắn hạn của Công ty vẫn được đảm bảo ổn định.



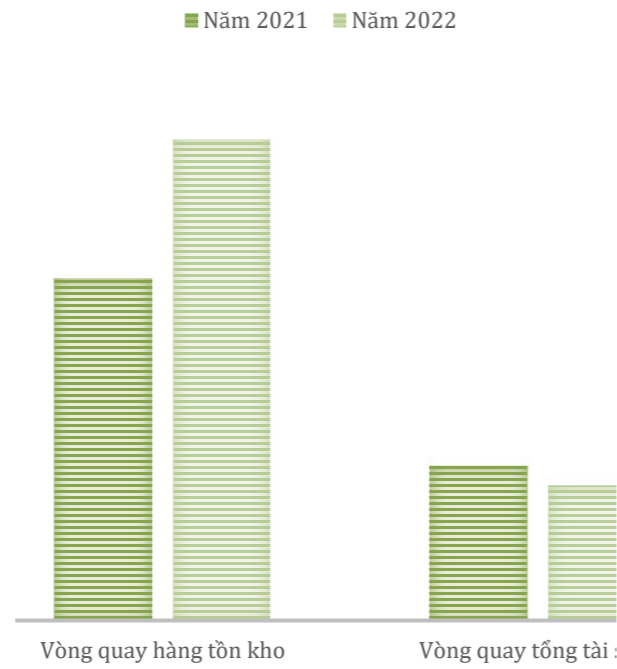
CHỈ TIÊU CƠ CẤU VỐN

Hệ số Nợ/Tổng tài sản và hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu của Công ty năm 2022 vẫn tiếp tục duy trì sự ổn định, lần lượt đạt mức 73,81% và 281,88%. Chiếm 82,86% trong cơ cấu nợ của Công ty là khoản mục vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn. Trong năm, Công ty đã ký kết hợp đồng vay nợ dài hạn giá trị 2,7 tỷ đồng với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Phú Quốc. Tuy nhiên, khoản vay nợ ngắn hạn lại chiếm tỷ trọng lớn hơn nhiều trong cơ cấu nợ của Công ty. Để tài trợ cho nhu cầu tín dụng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đã ký kết nhiều hợp đồng tín dụng với các ngân hàng tại địa phương với giá trị ghi nhận khoảng 616 tỷ đồng, tăng 86 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2021 tương đương tăng 16,22%. Trong năm, Công ty cũng phát sinh khoản phải trả nhà cung cấp là CTCP Xuất nhập khẩu Chế biến lương thực Thăng Lợi 45 tỷ đồng khi thực hiện giao dịch gạo Japonica với nhà cung cấp này. Vốn chủ sở hữu của Công ty duy trì ổn định 264 tỷ đồng, giảm nhẹ 2,50% so với cùng kỳ năm trước. Theo đó, Công ty vẫn duy trì được chỉ tiêu nợ ở mức ổn định, vẫn đảm bảo được khả năng thanh toán nhờ vào việc sử dụng đòn bẩy tài chính một cách hợp lý, giúp hoạt động kinh doanh đạt hiệu quả tối ưu.



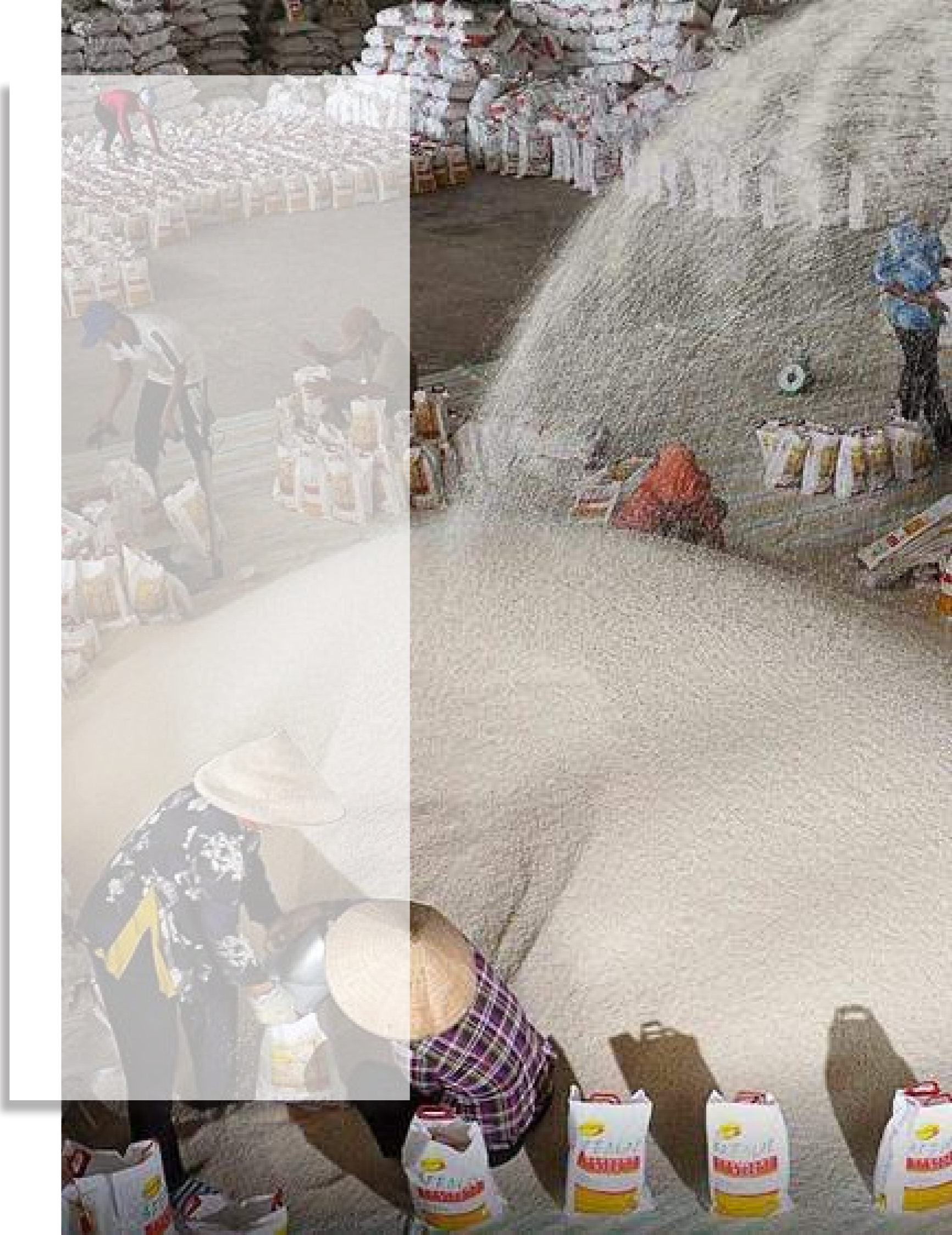
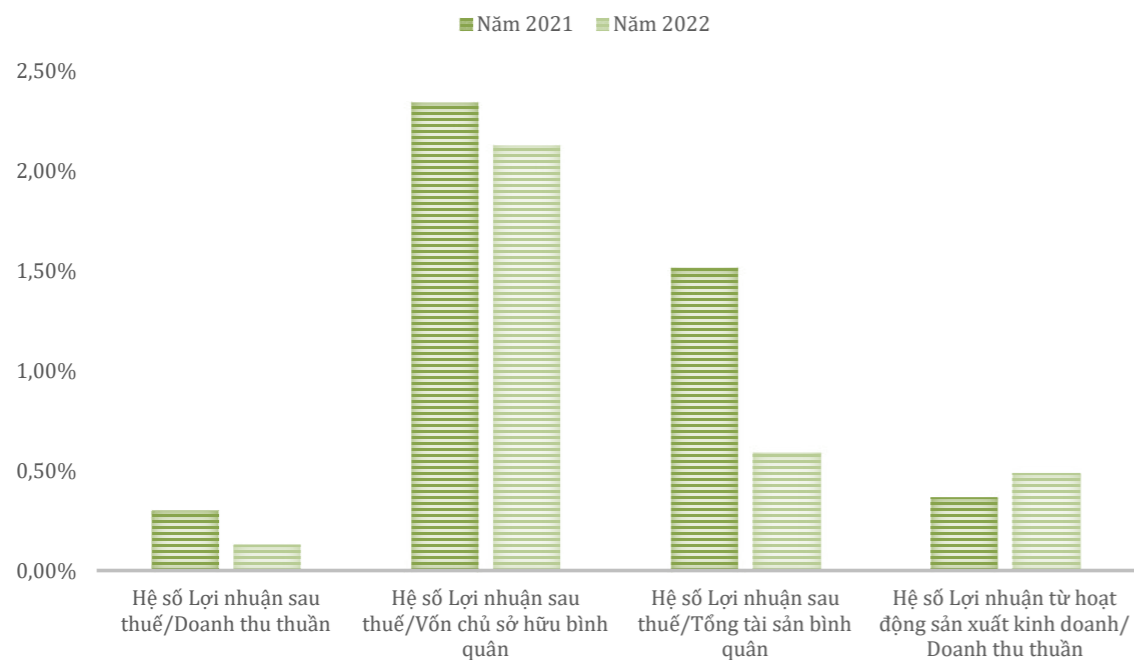
CHỈ TIÊU NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

Vòng quay hàng tồn kho năm 2022 đã có cải thiện so với năm 2021, đạt 15,72 vòng so với 11,21 vòng năm 2021, tăng 4,51 vòng. Điều này cho thấy trong năm, Công ty đã thực hiện tốt chiến lược bán hàng nhanh, luôn sẵn sàng đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Đặc thù ngành nghề kinh doanh của Công ty là phân phối lương thực, xăng dầu nên vấn đề quản trị hàng tồn kho luôn được lưu tâm và kiểm soát chặt chẽ. Bên cạnh đó, vòng quay tổng tài sản năm 2022 giảm nhẹ 0,64 so với năm 2021. Công ty luôn có chiến lược nhằm sử dụng tài sản có hiệu quả, duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh.



CHỈ TIÊU KHẢ NĂNG SINH LỜI

Năm 2022 được xem là một năm khó khăn của Công ty khi các yếu tố vĩ mô đã ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các chỉ số về khả năng sinh lời đều ghi nhận mức giảm nhẹ so với cùng kỳ năm 2021. Năm 2022, lợi nhuận sau thuế Công ty đạt 5,68 tỷ đồng, giảm hơn một nửa so với cùng kỳ năm 2021. Do ảnh hưởng của cuộc chiến Nga - Ukraina, các chính sách điều tiết tiền tệ của Fed và NHNN đã khiến chi phí tài chính và chi phí bán hàng của Công ty tăng cao so với năm 2021. Cụ thể, chi phí tài chính tăng 109,49% và chi phí bán hàng tăng 40,66%, các chi phí này đã ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty trong năm nay.



VỐN ĐIỀU LỆ: 254.300.000.000 đồng

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

Các chứng khoán khác: Không có

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 49%

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG (Tính đến ngày 31/12/2022)

STT	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu/ VĐL (%)
I	Cổ đông nhà nước	21.184.800	211.848.000.000	83,31%
II	Cổ đông lớn	2.643.000	26.430.000.000	10,39%
1	Trong nước	2.643.000	26.430.000.000	10,39%
2	Nước ngoài	-	-	0,00%
III	Cổ đông khác	1.602.200	16.022.000.000	6,30%
1	Trong nước	1.601.900	16.019.000.000	6,30%
2	Nước ngoài	300	3.000.000	0,00%
Tổng cộng (I+II+III)		25.430.000	254.300.000.000	100,00%

CỔ ĐÔNG NHÀ NƯỚC, CỔ ĐÔNG LỚN (Tính đến ngày 31/12/2022)

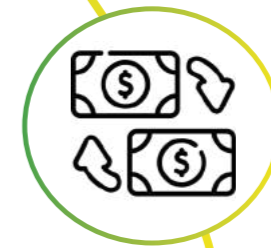
STT	Tên tổ chức/cá nhân	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ / VĐL
1	Tổng Công ty Lương thực Miền Nam – CTCP	21.184.800	83,31%
2	Đặng Quốc Việt	2.643.000	10,39%



Tổng số cổ phiếu đã phát hành
25.430.000 cổ phiếu



Số lượng cổ phiếu đang lưu hành
25.430.000 cổ phiếu



Số lượng cổ phiếu quỹ
0 cổ phiếu



Loại cổ phần
Cổ phần phổ thông



Mệnh giá cổ phần
10.000 đồng



Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu

Không có

KGM

“ BẢO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ”

Về mặt môi trường

Tổng khí thải nhà kính (GHG - Greenhouse Gases) đề cập đến tổng số khí nhà kính (gas nhà kính) được phát thải vào môi trường. GHG bao gồm nhiều loại khí như CO₂, CH₄, N₂O, HFCs, PFCs, và các loại khí khác. GHG đóng một vai trò chính yếu trong hiện tượng nóng lên toàn cầu, vì vậy giảm tổng khí thải GHG là một trong những nỗ lực chính trong việc đối phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường. Tổng khí thải nhà kính (GHG) có thể

được chia thành hai loại là khí thải trực tiếp và gián tiếp. Sự phát triển các giải pháp giảm thiểu tổng khí thải nhà kính (GHG) đang là một nhu cầu cấp bách để đảm bảo bền vững cho hệ thống kinh tế toàn cầu.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, nhận thức về bảo vệ môi trường là vấn đề luôn được mọi người quan tâm, khách hàng ngày nay có xu hướng lựa chọn những sản phẩm

xanh, những doanh nghiệp có lối kinh doanh thân thiện với môi trường để gắn bó. Sản phẩm chủ lực mà Công ty kinh doanh là gạo, cá cơm, chịu sự ảnh hưởng lớn đến từ môi trường. Một môi trường tốt sẽ giúp chất lượng cây trồng và thủy hải sản tăng cao. Nhận thức được tầm ảnh hưởng của môi trường đối với sản phẩm kinh doanh, hình ảnh doanh

nh nghiệp, Công ty luôn đề cao ý thức bảo vệ môi trường của toàn thể cán bộ nhân viên. Ngoài ra, Công ty khuyến khích người lao động tích cực tham gia các phong trào hành động vì môi trường do Công ty và chính quyền địa phương tổ

chức. Đồng thời, Công ty cũng cam kết hoạt động sản xuất kinh doanh tuân thủ theo đúng Luật Môi trường, hạn chế những hành vi tác động tiêu cực đến môi trường.



Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

- » Để đạt hiệu quả cao nhất trong hoạt động kinh doanh của Công ty thì cần nhất là nguồn nguyên vật liệu chất lượng và có sự cung cấp liên tục. Việc thiếu hụt nguyên vật liệu hay không đảm bảo được chất lượng sẽ làm ảnh hưởng đến quá trình chế biến cũng như sản lượng cung cấp không đủ cho thị trường. Vấn đề này đòi hỏi Công ty phải có kế hoạch quản lý nguồn nguyên vật liệu hiệu quả. Công ty luôn chú trọng trong công tác lựa chọn nguồn nguyên vật liệu, ưu tiên những nơi cung cấp uy tín, đáng tin cậy để giảm thiểu rủi ro mua nhầm hàng kém chất lượng, có khả năng gây hại cho khách hàng và môi trường. Bên cạnh đó, Công ty cũng thiết lập những quy định về bảo quản hóa chất dùng trong xử lý rác thải, để tránh trường hợp lạm dụng hóa chất, gây ô nhiễm môi trường sống
- » Nguồn nguyên vật liệu chủ yếu của công ty là lúa gạo, cá cơm và xăng dầu. Trong năm 2022 Công ty sử dụng 316.304 tấn gạo (quy gạo), 1.410 tấn cá cơm tươi và 20,011 triệu lít xăng dầu.





Tiêu thụ nước

Công có nguồn cung cấp nước chính từ hệ thống đường ống dẫn nước của địa phương, bao gồm các hồ chứa và nhà máy xử lý nước. Tổng lượng nước sử dụng năm 2022 của Công ty là 5.547 m³ nước. Công ty luôn thực hiện công tác kiểm tra hệ thống đường ống nước, phát hiện rò rỉ kịp thời, khóa kỹ các van nước và tuyên truyền cho cán bộ công nhân viên sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn nước.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty chưa từng bị xử phạt do không tuân thủ các quy định về môi trường, điều này chứng tỏ việc tuân thủ tiêu chuẩn môi trường và pháp luật là rất quan trọng đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Việc tuân thủ tiêu chuẩn môi trường và pháp luật không chỉ giúp Công ty tránh được các khoản phạt và các rủi ro pháp lý, mà còn đảm bảo sự bền vững của hoạt động sản xuất kinh doanh trên dài hạn, tạo niềm tin và uy tín đối với khách hàng và cộng đồng, đồng thời giúp bảo vệ môi trường, cải thiện chất lượng sản phẩm và tăng hiệu quả sản xuất

Chính sách liên quan đến người lao động

Năm 2022, tổng số lao động của CTCP Xuất nhập khẩu Kiên Giang ước đạt 264 người. Trong tổng số 264 lao động có 66 lao động nữ. Mức thu nhập trung bình của nhân viên tại Công ty năm 2022 là 7.680.000 đồng. Với mục tiêu tiếp tục đảm bảo an toàn và chất lượng dịch vụ, Công ty đang hướng tới công tác đào tạo nguồn lao động chất lượng cao. Đồng thời, Công ty cam kết thực hiện đầy đủ các thỏa thuận lao động và đảm bảo các quyền lợi hợp pháp cho nhân viên, cùng xây dựng môi trường làm việc cạnh tranh và lành mạnh.

Tiêu thụ năng lượng

Hầu hết mọi hoạt động của Công ty đều cần dùng đến điện năng. Vì vậy, chi phí chi trả cho nguồn năng lượng này là không nhỏ. Trong năm, tổng lượng điện mà công ty sử dụng ước đạt 5.268.162 kWh. Bên cạnh nguồn điện năng thì xăng, dầu cũng rất cần thiết trong các

công tác vận chuyển hàng hóa. Năm 2022, tổng lượng xăng dầu Công ty sử dụng ghi nhận 225.236 lít. Do đó, Công ty luôn chú trọng trong việc sử dụng có hiệu quả, tiết kiệm nhằm giảm thiểu chi phí. Trong quá trình hoạt động, Công ty luôn đưa ra các chính sách quản lý nguồn năng lượng thích hợp. Thông qua các công tác tuyên truyền, nhắc nhở nội bộ, người lao động của Công ty ngày càng nâng cao ý thức trong việc sử dụng điện cũng như các loại năng lượng khác. Để đạt hiệu quả cao hơn trong việc tiết kiệm năng lượng, Công ty định kỳ kiểm tra các thiết bị, máy móc và tiến hành bảo trì đúng kỳ hạn. Đối với các thiết bị đã cũ, Công ty sẽ tìm giải pháp thay thế bằng các thiết bị mới tiết kiệm nhiên liệu, tránh tình trạng thất thoát điện năng, lãng phí tài nguyên quốc gia.



Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Với tầm nhìn xa hơn về sự phát triển bền vững của cộng đồng và xã hội, Công ty không chỉ tập trung vào hoạt động kinh doanh mà còn đặt mục tiêu tham gia tích cực vào các chương trình mang lại giá trị cho cộng đồng. Công ty cam kết tiếp tục hợp tác chặt chẽ với các đơn vị có chuyên môn để đóng góp vào việc hỗ trợ, tài trợ và tài trợ kinh phí cho các hoàn cảnh khó khăn, đồng thời tham gia tích cực vào các chương trình xây dựng cộng đồng hiệu quả lâu dài. Đặc biệt, Công ty đặt sự chú trọng đến việc hỗ trợ các hoạt động cộng đồng tại các địa phương mà doanh nghiệp đang hoạt động kinh doanh. Các hoạt động này không chỉ giúp Công ty tạo dựng uy tín trong cộng đồng mà còn giúp nâng cao trách nhiệm xã hội và tạo ra giá trị lâu dài cho sự phát triển bền vững của xã hội. Trong năm qua, Công ty đã có các hoạt động đầu tư phát triển cộng đồng như Hỗ trợ Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh Kiên Giang, Hỗ trợ tết cho hộ nghèo địa phương nơi Công ty trú đóng, Hỗ trợ phòng trào văn hoá - thể dục thể thao,

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh	55
Tình hình tài chính	57
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý	
Kế hoạch phát triển trong tương lai	61
Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán	62





ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2022

Năm 2022, GDP cả nước tính chung cả năm đạt 8,02%, cao hơn nhiều so với mục tiêu đặt ra là 6,0-6,5% cũng như thực tế trong nhiều năm qua và còn cao hơn nữa so với năm 2021 (2,58%). Đây là kết quả sau giai đoạn phong tỏa phòng dịch Covid - 19, cho thấy nền kinh tế đang dần phục hồi sau khi các hoạt động sản xuất kinh doanh bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Lạm phát Việt Nam ghi nhận 3,15%, thấp đáng kể so với mục tiêu 4%. Đây là bức tranh tổng quan nền kinh tế Việt Nam trong năm 2022.

Thuận lợi

Nhờ vào sự hỗ trợ quan tâm từ Tổng công ty Lương thực miền Nam - cổ đông lớn của Công ty, cùng với sự chỉ đạo và định hướng phù hợp của Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo, Công ty đã thành công trong việc vượt qua khó khăn do tình hình kinh tế vĩ mô gây ra. Mỗi quan hệ gắn bó lâu dài với khách hàng trong nước và quốc tế đã giúp Công ty nhanh chóng phục hồi hoạt động thương mại sau đại dịch Covid - 19. Ngoài ra, sự hỗ trợ từ các ngân hàng thương mại đã giúp Công ty giải quyết được vấn đề về vốn theo kế hoạch sản xuất kinh doanh. Ban lãnh đạo Công ty luôn đưa ra các kế hoạch dự phòng để hạn chế rủi ro và theo dõi sát sao các biến động thị trường để đưa ra giải pháp kịp thời.

Khó khăn

Đại dịch Covid - 19 đã dần được kiểm soát nhưng chiến dịch quân sự đặc biệt của Nga tại Ukraine lại là nguy cơ gây ra bất ổn trong an ninh kinh tế của tất cả quốc gia trong khu vực. Là nước có độ mở kinh tế cao, Việt Nam khó tránh khỏi được những ảnh hưởng tiêu cực từ cuộc xung đột này. Sự thiếu hụt nguồn cung từ Nga và Ukraine đã làm tăng giá nguyên liệu đầu vào cho sản xuất trên toàn cầu, chuỗi cung ứng nguyên nhiên liệu phục vụ cho sản xuất bị đình trệ. Với thị phần sản xuất và xuất khẩu khí đốt, dầu mỏ đứng đầu thế giới, việc Mỹ và các nước phương Tây áp dụng các biện pháp áp trần giá khí đốt, giá dầu của Nga đã khiến giá dầu biến động khó lường. Mặt bằng giá cả các hàng toán tăng cao đã đe dọa tới tính liên tục của hoạt động sản xuất và sức cầu tiêu dùng, gia tăng lạm phát. Các ngành hàng của công ty vì thế cũng đã gặp phải những khó khăn riêng:

Ngành hàng lúa gạo: Thị trường gạo xuất khẩu của Việt Nam đang gặp nhiều thách thức. Chính sách nhập khẩu gạo của Philippines đã thay đổi dẫn đến giá gạo xuất khẩu giảm liên tục. Ngoài ra, thị trường châu Phi đang chịu tác động của suy thoái kinh tế, lạm phát tăng và tỷ giá đồng nội tệ của một số nước tăng cao, dẫn đến sức mua yếu. Cước tàu biển tăng cao khiến cho người mua khó thuê được tàu, đẩy một số đơn hàng của Công ty phải gia hạn giao hàng hoặc đưa hàng về nhập kho, phát sinh chi phí ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh. Ngoài ra, hiện tượng tranh mua đã xảy ra trên thị trường gạo Japonica trong quý III&IV/2022 do các thương nhân nước ngoài đồng loạt nhận hàng các hợp đồng đã ký, gây tăng giá thị trường mặt hàng gạo Japonica.

Ngành hàng xăng dầu, cá cơm: Trong ngành hàng xăng dầu, nguồn cung đôi lúc bị thiếu hụt và giá cả không ổn định, Nhà nước điều chỉnh giảm giá liên tục trong quý 6 tháng cuối năm đặc biệt là trong đầu quý III/2022, có những thời điểm chiết khấu bằng không, dẫn đến mức chiết khấu không còn hiệu quả như trước đây. Trong khi đó, thị trường tiêu thụ cá cơm chưa phục hồi, cạnh tranh giá cả khốc liệt, trong khi chi phí khai thác tăng. Tác động này gây ra khó khăn cho cả hai ngành hàng và gây ảnh hưởng tiêu cực đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

Những tiến bộ công ty đã đạt được: Mặc dù tình hình kinh doanh trong năm 2022 có rất nhiều khó khăn như đã đánh giá, phân tích trong báo cáo này. Tuy nhiên, Ban điều hành cũng đã kịp thời thích ứng và có kế hoạch, chiến lược tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, kiểm soát tốt rủi ro nên đã khắc phục, vượt qua khó khăn và kinh doanh đạt và vượt chỉ tiêu đã đề ra.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021		31/12/2022	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Tài sản ngắn hạn	707.273	77,14%	805.018	79,84%
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.300	2,87%	473.316	46,95%
Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0,00%	0	0,00%
Các khoản phải thu ngắn hạn	358.183	39,06%	94.843	9,41%
Hàng tồn kho	288.135	31,42%	194.606	19,30%
Tài sản ngắn hạn khác	34.654	3,78%	42.253	4,19%
Tài sản dài hạn	209.639	22,86%	203.216	20,16%
Các khoản phải thu dài hạn	48	0,01%	48	0,00%
Tài sản cố định	154.430	16,84%	146.209	14,50%
Tài sản dở dang dài hạn	0	0,00%	0	0,00%
Tài sản dài hạn khác	55.161	6,02%	56.959	5,65%
Tổng tài sản	916.913	100,00%	1.008.234	100,00%

Cơ cấu tài sản năm 2022 của Công ty có sự biến động trong tỷ trọng các khoản mục, giảm mạnh các khoản phải thu khách hàng và ghi nhận tăng ở khoản tiền và tương đương tiền. Tổng tài sản năm 2022 tăng 9,96% tương đương 91 tỷ đồng so với năm 2021. Tính đến thời điểm cuối năm 2022, tài sản ngắn hạn tăng 13,82%, chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu tài sản với mức tỷ trọng 79,84%. Tài sản ngắn hạn của Công ty trong năm chủ yếu đến từ khoản tiền và tương

đương tiền. Công ty đã tận dụng việc NHNN sử dụng chính sách lãi suất theo hướng thắt chặt, tăng lãi suất để kìm chế lạm phát. Khoản tiền gửi ngân hàng ghi nhận 419 tỷ đồng, tăng 393 tỷ đồng tương đương 1699,65% so với cùng kỳ năm 2021.

Bên cạnh đó, tài sản dài hạn chiếm tỷ trọng khá thấp, khoảng 20,16%, giảm 6 tỷ đồng tương đương giảm 3,06% do Công ty trích khấu hao tài sản cố định.

Tình hình nguồn vốn

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021		31/12/2022	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Nợ phải trả	646.129	70,47%	744.214	73,81%
Nợ ngắn hạn	646.129	70,47%	741.448	73,54%
Nợ dài hạn	0	0,00%	2.766	0,27%
Vốn chủ sở hữu	270.784	29,53%	264.020	26,19%
Vốn CSH	270.784	29,53%	264.020	26,19%
Nguồn kinh phí và các quỹ khác	0	0,00%	0	0,00%
Tổng nguồn vốn	916.913	100,00%	1.008.234	100,00%

Cấu trúc vốn của KGM chủ yếu là nợ, đặc biệt là nợ ngắn hạn. Tính đến cuối năm 2022, số tiền nợ ngắn hạn đã tăng nhẹ 15,18%, tương đương với 95,31 tỷ đồng. Trong đó, số tiền nợ vay ngắn hạn chiếm 82,86% tổng số nợ ngắn hạn, tăng thêm 86 tỷ đồng so với năm 2021. Để đáp ứng hoạt động kinh doanh trong năm, công ty đã ký kết các hợp đồng tín dụng với các ngân hàng để tăng vốn lưu động. Ngoài ra, khoản tiền khách hàng trả trước giảm đi 45,04%, tương đương với 37,09 tỷ đồng. Công ty luôn theo dõi và đưa ra các chiến lược cân đối việc sử dụng đòn bẩy tài chính cho nguồn vốn.

Vốn chủ sở hữu của Công ty giảm nhẹ so với năm 2021, giảm 6,7 tỷ đồng tương đương 2,50%. Nguyên nhân chủ yếu là do giảm quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận chưa phân phối của Công ty.



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, NHÂN SỰ, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Tổng công ty, Công ty đã kiện toàn bộ máy nhân sự lãnh đạo cấp cao đặc biệt là chức danh người đứng đầu - Chủ tịch HĐQT Công ty. Điều này giúp phát huy được năng lực lãnh đạo, tập trung sức mạnh tập thể tìm giải pháp, hướng đi mới cho Công ty và thực hiện được một số công việc trọng tâm như sau:

Về công tác đảng

- » Đảng ủy công ty phối hợp cùng Hội đồng quản trị chỉ đạo ban điều hành tổ chức triển khai thực hiện hoàn thành tốt công tác xây dựng đảng và công tác sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2022.

Về công tác tổ chức, nhân sự

- » Thực hiện mô hình quản trị tập trung về tổ chức, kinh doanh, tài chính, đầu tư và tiến đến quản trị sản xuất. Nhờ vậy, Công ty đã có thể quản lý chặt chẽ, kịp thời mọi hoạt động, quản trị tốt dòng tiền, đầu tư kịp thời các hạng mục cấp thiết và thực hiện tốt việc hợp tác kinh doanh, phát huy nguồn lực toàn Công ty và tăng hiệu quả đáng kể, giúp Công ty duy trì tốt hiệu quả kinh doanh nhiều năm liên tục.
- » Bộ máy tổ chức cơ bản đã thực hiện tinh gọn, kiện toàn các chức danh quản lý; sử dụng lao động phù hợp với vị trí việc làm để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả doanh nghiệp.
- » Hoàn thiện công tác quy hoạch cấp ủy, cán bộ quản lý trình cấp thẩm quyền phê duyệt.

Về các công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh

- » Thực hiện công tác dự báo, theo dõi diễn tiến vụ mùa để tính toán thời điểm mua, sản lượng, chủng loại và giá mua phù hợp.
- » Theo dõi tỷ giá hối đoái, chính sách xuất khẩu/nhập khẩu của các nước xuất/nhập khẩu gạo lớn như Ấn Độ, Philippines, Trung Quốc và các nước quan hệ giao thương với Công ty để có chiến lược mua bán, thanh toán phù hợp hiệu quả.
- » Nghiêm túc thực hiện theo mô hình quản trị tập trung, vận hành mọi mặt hoạt động theo hướng chỉ đạo thực hiện từ Công ty xuống đơn vị.

- » Theo sát kế hoạch SXKD từng phân kỳ để triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch đề ra. Tổng hợp báo cáo thống kê kết quả hoạt động SXKD của Văn phòng Công ty và 7 chi nhánh SXKD trực thuộc, từ đó có định hướng, chỉ đạo các đơn vị thực hiện tốt công tác sản xuất kinh doanh, đặc biệt là mặt hàng gạo.

Về công tác tài chính kế toán

- » Thường xuyên thực hiện cân đối, đảm bảo đủ nguồn vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư.
- » Thực hiện quản trị kế toán tập trung, rà soát và triển khai thực hiện công tác hoàn thuế VAT tập trung toàn Công ty.

Về Công tác đầu tư, xây dựng cơ bản

- » Thực hiện rà soát, đánh giá lại tài sản và thanh lý tài sản không cần dùng, thu hồi vốn, bổ sung vào nguồn vốn kinh doanh.
- » Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc sắp xếp lại dây chuyền sản xuất để tối ưu hiệu quả hoạt động, tiết kiệm tối đa chi phí đầu tư.
- » Triển khai thực hiện các hạng mục đầu tư và sửa chữa, nâng cấp máy móc thiết bị đạt 87,1% kế hoạch năm 2022

Về công tác tổ chức ĐHĐCĐ thường niên

- » Tổ chức thành công các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm và đã triển khai thực hiện đúng nghị quyết ĐHĐCĐ đã quyết nghị tại các kỳ đại hội.

Về ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số

- » Công ty đã ứng dụng công nghệ vào công tác quản lý: Nâng cấp phần mềm kế toán theo mô hình quản lý tập trung đối với ngành xăng dầu; Trang bị thiết bị chuyên dùng phục vụ hội nghị trực tuyến với Tổng Công ty, các đơn vị trực thuộc

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Một số chỉ tiêu chính kế hoạch SXKD năm 2023

Trên cơ sở dự báo thị trường, với thực trạng nguồn nhân lực, khả năng tài chính, năng lực máy móc, thiết bị hiện có, nguồn cung ứng và đối tác khách hàng hiện có, Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023, cụ thể như sau:

STT	Diễn giải	ĐVT	Kế hoạch năm 2023
I	Mua vào		
1	Lúa gạo	Tấn	250.000
2	Cá cơm tươi	Tấn	1.120
3	Xăng dầu	Triệu lít	20
II	Bán ra		
1	Lúa, gạo quy gạo	Tấn	250.000
	- Xuất khẩu	Tấn	230.000
	- Nội địa	Tấn	20.000
2	Cá cơm	Tấn	280
3	Xăng dầu	Triệu lít	20
III	Doanh thu	Tỷ đồng	3.563
IV	Lợi nhuận	Tỷ đồng	11
V	Nộp NSNN	Tỷ đồng	Theo quy định

Thuyết minh các chỉ tiêu mặt hàng gạo - ngành hàng chính của Công ty:

- » Mua vào quy gạo 250.000 tấn, bằng 80,7% so với ước thực hiện năm 2022.
- » Bán ra quy gạo 250.000 tấn, bằng 79,6% so với ước thực hiện năm 2022. Trong đó, xuất khẩu là 230.000 tấn, bán nội địa là 20.000 tấn.
- » Doanh thu: 3.563 tỷ đồng, bằng 84,4% so với ước thực hiện năm 2022. Trong đó, doanh thu ngành lương thực 3.070 tỷ đồng.
- » Lợi nhuận: lãi 11 tỷ đồng, đạt 100,8% so với ước thực hiện 2022.
- » Nộp ngân sách theo quy định.

Định hướng phát triển thị trường, khách hàng

Kế hoạch xuất khẩu gạo năm 2023 của Công ty là 230.000 tấn. Công ty tập trung phát triển các mặt hàng gạo thơm, gạo đặc sản vào các thị trường thương mại, duy trì giao dịch với các khách hàng truyền thống song song với khai thác khách hàng mới.

Nguồn lực tài chính

Công ty dự kiến huy động vốn năm 2023 là 2.070 tỷ đồng theo hình thức thế chấp tài sản, hàng tồn kho và công nợ phải thu, lý do: (1) Để đảm bảo nhu cầu vốn thu mua cho kế hoạch SXKD năm 2023; (2) Công ty có cơ hội đàm phán, lựa chọn vay vốn với lãi suất thấp, cạnh tranh; (3) Hạn mức tín dụng của ngân hàng thường được cấp dưới dạng hạn mức không cam kết và dễ thay đổi hoặc dừng đột xuất.

Năng lực sản xuất và sức chứa

Tích lượng kho chứa hiện tại là 144.260 tấn/năm. Công suất lau bóng và tách màu theo thiết kế trên 200.000 tấn/năm.

GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Không có

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các
mặt hoạt động của Công ty 65

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các
mặt hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
Công ty 66

Các kế hoạch, định hướng của
Hội đồng quản trị 67



4



“Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty”

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

- » Trong năm vừa qua, tình hình chính trị và kinh tế thế giới đã diễn biến phức tạp, tạo ra nhiều hạn chế và gián đoạn nguồn cung nguyên liệu, dẫn đến tình trạng tăng giá cả nguyên liệu đầu vào, ảnh hưởng rất nhiều đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị đã ghi nhận được sự nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc và toàn thể cán bộ công nhân viên trong việc hoàn thành các mục tiêu đã đề ra. Hội đồng quản trị đánh giá cao việc Ban Tổng giám đốc luôn theo dõi sát sao tình hình hoạt động của các phòng ban, góp phần duy trì mối quan hệ với các khách hàng thân thiết cũng như không ngừng tìm kiếm, thu hút thêm các khách hàng mới. Các chính sách ưu đãi được thiết kế phù hợp với từng đối tượng khách hàng, đảm bảo cung cấp đến khách hàng sản phẩm với chất lượng tốt nhất.

- » Công ty không chỉ tập trung vào hoạt động sản xuất kinh doanh, mà còn coi trọng việc bảo vệ môi trường và hoàn thành các trách nhiệm xã hội của mình. Công ty tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về môi trường do Nhà nước đề ra, đặc biệt là trong việc xử lý rác thải để tránh gây ô nhiễm môi trường và nguồn nước. Năm vừa qua, công ty đã tham gia nhiều hoạt động đóng góp cho cộng đồng và xã hội, như hỗ trợ Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh Kiên Giang, tặng quà tết cho các hộ nghèo địa phương nơi công ty đóng trụ sở, hỗ trợ các hoạt động văn hoá thể thao và văn hóa. Công ty cam kết thực hiện đầy đủ các trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

- » Hội đồng quản trị thực hiện giám sát đối với Ban Tổng giám đốc Công ty trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022, thông qua chế độ báo cáo thường xuyên và đột xuất. Trong quá trình điều hành Ban Tổng giám đốc đã tuân thủ theo đúng Điều lệ, quy chế nội bộ về quản trị công ty, các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.
- » Việc giám sát của Hội đồng quản trị được thực hiện theo nguyên tắc trung thực, cẩn trọng, khách quan, trực tiếp phê duyệt các nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
- » Ban Tổng giám đốc chủ động, nhạy bén, kịp thời ứng phó với những diễn biến phức tạp của thị trường trong nước và thế giới, điều chỉnh phương pháp quản trị doanh nghiệp phù hợp theo từng thời điểm, giảm thiểu rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.
- » Trong năm 2022, Hội đồng quản trị đã thực hiện giám sát Ban Tổng giám đốc thực hiện các công việc sau:
 - + Giám sát thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị.
 - + Chỉ đạo Ban điều hành tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.
 - + Giám sát việc quản lý, sử dụng vốn đúng mục đích, bảo toàn và phát triển được vốn chủ sở hữu và đảm bảo hệ số Nợ phải trả/vốn chủ sở hữu dưới 03 lần.
 - + Công tác kinh doanh xuất nhập khẩu.
 - + Công tác đầu tư, mua sắm của công ty.
 - + Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 vào ngày 22/4/2022 theo đúng quy định.

Kết quả giám sát:

- » Ban Tổng giám đốc đã nỗ lực thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, việc tuân thủ các quy định Pháp luật, Điều lệ, quy chế quản lý nội bộ của Công ty được thực hiện tốt.
- » Ban Tổng giám đốc đã chủ động rà soát, kiểm soát tốt việc sử dụng vốn trong sản xuất kinh doanh nhằm đạt hiệu quả cao nhất, các định hướng, kế hoạch của Hội đồng quản trị và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được ban điều hành triển khai thực hiện đúng kế hoạch, hoàn thành chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đã đề ra.

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

DOANH THU

3.563
tỷ đồng

LỢI NHUẬN

11
tỷ đồng

ĐẦU TƯ

10,81
tỷ đồng

Hội đồng quản trị công ty đề ra các nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2023 như sau:

Năm 2023 với phương châm hành động là “Đoàn kết - Sáng tạo - Tiết kiệm - Hiệu quả” trên cơ sở đảm bảo phù hợp với mục tiêu định hướng năm 2023, Công ty đạt mục tiêu phấn đấu hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 và các chỉ tiêu đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua. Theo đó, HĐQT Công ty đề ra các nhiệm vụ trọng tâm để giám sát và chỉ đạo ban điều hành thực hiện trong năm 2023, như sau:

- » Tuân thủ các quy định của Nhà nước về công tác quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu.
- » Tuân thủ Điều lệ, quy chế quản lý nội bộ của Công ty và quy định của Pháp luật trong quản lý, lãnh đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt trong mua bán hàng hóa xuất nhập khẩu.
- » Thường xuyên rà soát lại các quy chế quản lý nội bộ đã ban hành để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với quy định của Pháp luật hiện hành và tình hình thực tế của Công ty.
- » Tổ chức thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định.

- » Tiếp tục triển khai thực hiện mô hình quản trị tập trung về tài chính, kinh doanh, đầu tư và quản lý khai thác tài sản hiệu quả để phát huy nguồn lực toàn Công ty.
- » Tổ chức triển khai đạt các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, đầu tư đã được Hội đồng quản trị, ĐHĐCĐ thông qua. Đẩy mạnh nghiên cứu đưa ra các mặt hàng, sản phẩm kinh doanh mới trong năm 2023.
- » Tiếp tục tăng cường công tác theo dõi, quản lý tiền hàng và thường xuyên kiểm tra, kiểm soát, phòng ngừa, hạn chế tối đa rủi ro xảy ra.
- » Tiếp tục xây dựng chính sách tuyển dụng và thu hút nhân tài, nhất là nhân sự kinh doanh xuất nhập khẩu, có khả năng phát triển thị trường, bán hàng.
- » Tập trung đầu tư các hạng mục nâng cấp, sửa chữa hoàn thiện dây chuyền máy móc thiết bị nhằm tối ưu hiệu quả sử dụng của tài sản đã đầu tư. Đẩy nhanh việc thanh lý tài sản, công cụ dụng cụ không cần dùng, ít dùng, không hiệu quả để thu hồi vốn và giảm định phí.
- » Tổ chức thực hiện chủ trương chuyển đổi số theo lộ trình, kế hoạch và định hướng của Tổng công ty Lương thực miền Nam.

CÁC HOẠT ĐỘNG ĐỂ ĐẠT ĐƯỢC MỤC TIÊU NÊU TRÊN:

Về công tác huy động vốn, quản lý tài chính kế toán

- » Tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính, mở rộng quan hệ tín dụng với các ngân hàng trong nước và quốc tế, đảm bảo đủ nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư.
- » Tăng cường công tác theo dõi tỷ giá hối đoái, tập trung vào các nước xuất nhập khẩu gạo, cân đối đồng tiền vay có hiệu quả.
- » Tuân thủ quy định và chuẩn mực kế toán.

- » Tăng cường kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ tình hình sử dụng vốn, tài sản tại các đơn vị trực thuộc, kiểm soát chi phí nhằm sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả, bảo toàn nguồn vốn, không để rủi ro xảy ra và phát sinh công nợ khó đòi.

Về công tác đầu tư XDCC

- » Tiếp tục triển khai đúng với kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản đã được phê duyệt. Thực hiện đầu tư đúng trình tự và quy định của Pháp luật về đầu tư.
- » Rà soát, nâng cấp MMTB, ưu tiên các hạng mục, dự án cấp thiết; điều chuyển hợp lý hóa hệ thống máy móc thiết bị nhằm giảm chi phí sản xuất, nâng cao chất lượng chế biến để đáp ứng nhu cầu của thị trường hiện nay.
- » Tìm kiếm đối tác hợp tác, khai thác, nhận ký gửi hàng hóa lúa gạo, công nghệ phẩm để tận dụng tối đa hiệu suất sử dụng kho, thiết bị của Công ty.
- » Rà soát, thanh lý tài sản không cần dùng để thu hồi vốn kịp thời, hiệu quả

Công tác thu hồi công nợ

- » Tập trung quyết liệt công tác thu hồi công nợ, đặc biệt là đề ra giải pháp đảm bảo thu hồi được nợ khó đòi nhằm lành mạnh tài chính.

Về củng cố, kiện toàn bộ máy tổ chức, nhân sự và sắp xếp tái cơ cấu

- » Tiếp tục thực hiện công tác kiện toàn nhân sự quản lý và sắp xếp lại tổ chức bộ máy để bố trí, sử dụng lao động phù hợp với mô hình, theo hướng tinh gọn, nâng cao phương thức quản trị để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả doanh nghiệp.
- » Tiếp tục đào tạo, tuyển dụng và thu hút nhân sự đáp ứng đủ nguồn nhân lực cho Công ty. Chú trọng nhân viên kinh doanh xuất nhập khẩu, có khả năng phát triển thị trường xuất nhập khẩu, bán hàng và phát triển hệ thống cung ứng mua hàng.
- » Hoàn thiện các quy chế quản lý, hệ thống quy định, quy trình áp dụng thống nhất trong toàn Công ty.
- » Tăng cường công tác đoàn kết nội bộ và bảo vệ bí mật trong SXKD

Về công tác chuyển đổi số

- » Tập trung nghiên cứu và tổ chức triển khai chủ trương của Tổng công ty về ứng dụng chuyển đổi số vào công tác quản lý, điều hành như sau:
- » Ứng dụng phần mềm iOffice quản lý văn bản điện tử;
- » Ứng dụng phòng họp không giấy tờ;
- » Triển khai ứng dụng công nghệ vào quản lý, quản trị văn phòng, điều hành doanh nghiệp, quản lý sản xuất, quản lý bán hàng trong nước và quốc tế

BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị 71

Ban Kiểm soát 79

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích
của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc
và Ban Kiểm soát 85



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Chức vụ	Cá nhân sở hữu		Đại diện sở hữu	
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
1	Bạch Ngọc Văn	Chủ tịch HĐQT	251.600	0,99%	5.085.776	20%
2	Đoàn Huỳnh Dũng	Phó Chủ tịch HĐQT	10.000	0,04%	7.628.664	30%
3	Dương Thị Thanh Nguyệt	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	101.500	0,40%	5.927.472	23,31%
4	Phan Hùng Minh	Thành viên HĐQT	-	0,00%	-	-
5	Phạm Minh Trung	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	51.700	0,20%	2.542.888	10,00%

LÝ LỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông: BẠCH NGỌC VĂN
Chủ tịch Hội đồng quản trị

- » **Trình độ chuyên môn:** Cao học Quản trị kinh doanh
- » **Quá trình công tác:**
 - + 1997 - 1998: Thực tập viên xuất nhập khẩu, phòng xuất nhập khẩu Công ty Rau quả TP. HCM.
 - + 1998 - 1999: Nhân viên xuất nhập khẩu, phòng nhập khẩu Trung tâm dụng cụ y khoa quận 1, TP. HCM.
 - + 01/2000 - 03/2000: Nhân viên xuất nhập khẩu Công ty TDS, quận 10, TP. HCM.
 - + 04/2000 - 05/2000: Nhân viên Chi nhánh TP.HCM thuộc Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
 - + 05/2000 - 04/2002: Nhân viên phòng Kế hoạch kinh doanh - Xuất nhập khẩu, Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
 - + 05/2002 - 05/2004: Phó phòng Kế hoạch kinh doanh - Xuất nhập khẩu, Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
 - + 06/2004 - 12/2005: Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh - Xuất nhập khẩu, Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
 - + 01/2005 - 12/2007: Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh - Xuất nhập khẩu, Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.



Ông: BẠCH NGỌC VĂN
(TT)
Chủ tịch Hội đồng quản trị

- + 01/2008 - 06/2010: Phó giám đốc kiêm trưởng phòng xuất nhập khẩu Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- + 07/2010 - 03/2011: Phó giám đốc kiêm trưởng phòng kế hoạch kinh doanh - xuất nhập khẩu Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- + 04/2011 - 02/2016: Phó giám đốc Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- + 03/2016 - 06/2016: Giám đốc Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- + 07/2016 - 10/05/2018: Ủy viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- + 07/2016 đến nay: Người đại diện vốn của Tổng công ty lương thực miền Nam - Công ty Cổ phần tại Công ty
- + 11/05/2018 đến nay: Phó TGD Tổng công ty lương thực Miền Nam, Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang
- + 11/05/2018 - 15/03/2022: Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- + 09/2018 - 22/10/2021: Ủy viên HĐQT Tổng công ty lương thực Miền Nam-CTCP
- + 15/03/2022 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang
- » **Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Phó TGD Tổng công ty Lương thực miền Nam
- » **Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:** 5.337.376 cổ phần, chiếm 20,99% vốn điều lệ, trong đó gồm:
 - + Cá nhân sở hữu: 251.600 cổ phần, chiếm 0,99% vốn điều lệ.
 - + Đại diện sở hữu: 5.085.776 cổ phần, chiếm 20% vốn điều lệ (đại diện cho Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần)
- » **Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác:** không có
- » **Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:** không có

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TT)

LÝ LỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TT)

- » **Trình độ chuyên môn:** Đại học Kinh tế ngoại thương
- » **Quá trình công tác:**
 - + 09/1985 - 07/2000: Nhân viên phòng Kế hoạch Kinh doanh Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
 - + 08/2000 - 01/2003: Phó quản đốc Nhà máy Chế biến gạo Xuất khẩu 1 A, thuộc Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
 - + 02/2003 - 05/2005: Giám đốc Xí nghiệp CBLT XK Tân Hiệp, thuộc Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
 - + 06/2005 - 01/2006: Giám đốc Xí nghiệp CBLT XK Tân Hiệp, thuộc Công ty TNHH 1 TV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
 - + 02/2006 - 05/2010: Phó Giám đốc Công ty TNHH 1 TV Xuất nhập khẩu Kiên Giang kiêm Giám đốc Xí nghiệp CBLT XK Tân Hiệp.
 - + 06/2010 - 11/2013: Giám đốc Xí nghiệp CBLT XK Tân Hiệp, thuộc Công ty TNHH 1 TV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
 - + 12/2013 - 06/2016: Phó Giám đốc Công ty TNHH 1 TV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
 - + 07/2016 - 15/03/2022: Người đại diện vốn của Tổng công ty Lương thực miền Nam tại công ty, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
 - + 15/03/2022 - nay: Người đại diện vốn của Tổng công ty Lương thực miền Nam tại công ty, Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang
- » **Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không có
- » **Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:** 7.638.664 cổ phần, chiếm 30,04% vốn điều lệ, trong đó gồm:
 - + Cá nhân sở hữu: 10.000 cổ phần, chiếm 0,04% vốn điều lệ.
 - + Đại diện sở hữu: 7.628.664 cổ phần, chiếm 30% vốn điều lệ (đại diện cho Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần)
- » **Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác:** không có
- » **Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:** không có



Ông: ĐOÀN HUỖNH DŨNG
Thành viên
Hội đồng quản trị



Ông: PHAN HÙNG MINH
Thành viên
Hội đồng quản trị

- » **Quá trình công tác:**
 - + 1989 - đến nay: Giám đốc Công ty TNHH ĐT SX TM DV Phan Minh.
 - + 07/2016 - đến nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- » **Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Giám đốc Công ty TNHH ĐT SX TM DV Phan Minh
- » **Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:** 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ, trong đó gồm:
 - + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- » **Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác:** không có
- » **Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:** không có

Lý lịch Bà Dương Thị Minh Nguyệt và Ông Phạm Minh Trung được trình bày chi tiết tại phần **Lý lịch Ban Điều hành**

Danh sách thay đổi thành viên Hội đồng quản trị trong năm 2022

STT	Họ và tên	Chức vụ trước khi bổ nhiệm	Chức vụ sau khi bổ nhiệm	Ngày bổ nhiệm
1	Ông Bạch Ngọc Văn	Thành viên HĐQT	Chủ tịch HĐQT	15/03/2022
2	Ông Đoàn Huỳnh Dũng	Chủ tịch HĐQT	Thành viên HĐQT	15/03/2022

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng giám đốc

- Hội đồng quản trị thực hiện giám sát đối với Ban Tổng giám đốc công ty trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022, thông qua chế độ báo cáo thường xuyên và đột xuất. Trong quá trình điều hành Ban Tổng giám đốc đã tuân thủ theo đúng Điều lệ, quy chế nội bộ về quản trị công ty, các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.
- Việc giám sát của Hội đồng quản trị được thực hiện theo nguyên tắc trung thực, cẩn trọng, khách quan, trực tiếp phê duyệt các nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
- Ban Tổng giám đốc chủ động, nhạy bén, kịp thời ứng phó với những diễn biến phức tạp của thị trường trong nước và thế giới, điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp, giảm thiểu rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TT)



Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng giám đốc (tt)

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị đã thực hiện giám sát Ban Tổng giám đốc thực hiện các công việc sau:

- + Giám sát thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị.
- + Chỉ đạo ban điều hành thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 phù hợp với tình hình thực tế của công ty.
- + Xem xét kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 do Ban Tổng giám đốc trình.
- + Công tác kinh doanh xuất nhập khẩu.
- + Công tác đầu tư, xây dựng của công ty.
- + Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 vào ngày 22/4/2022 theo đúng quy định.
- + Giám sát việc thực hiện công bố thông tin định kỳ, công bố thông tin bất thường theo đúng quy định.

Ban Tổng giám đốc công ty đã tổ chức thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ, nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Điều lệ Công ty và các quy chế quản lý nội bộ của công ty, thường xuyên bám sát kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư, các nghị quyết, quyết định, chủ trương của Hội đồng quản trị Công ty để triển khai thực hiện và đề ra các giải pháp thực hiện phù hợp với tình hình thực tế, diễn biến của thị trường và khả năng của công ty.

Hội đồng quản trị đã thảo luận, thông qua các nội dung trình trong cuộc họp bằng các nghị quyết, quyết định để Tổng giám đốc và Ban Tổng giám đốc có cơ sở triển khai thực hiện.



Kết quả giám sát:

- » Ban Tổng giám đốc đã nỗ lực thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, việc tuân thủ các quy định pháp luật, điều lệ, quy chế hoạt động của công ty được thực hiện tốt.
- » Ban Tổng giám đốc đã chủ động rà soát, kiểm soát tốt việc sử dụng vốn trong sản xuất kinh doanh nhằm đạt hiệu quả cao nhất, các định hướng, kế hoạch của Hội đồng quản trị và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được ban điều hành triển khai thực hiện đúng kế hoạch, hoàn thành chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đã đề ra.

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

Trong năm 2022 Hội đồng quản trị công ty đã tổ chức 17 cuộc họp, trong đó có 14 cuộc họp trực tiếp, 01 cuộc họp trực tuyến và 02 cuộc họp bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, cụ thể như sau:

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi tham dự họp	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Bạch Ngọc Văn	Chủ tịch HĐQT	17/17	100%	
2	Đoàn Huỳnh Dũng	Phó Chủ tịch HĐQT	17/17	100%	
3	Dương Thị Thanh Nguyệt	Thành viên HĐQT kiêm TGĐ	17/17	100%	
4	Phan Hùng Minh	Thành viên HĐQT	14/17	82,35%	Vắng 03 buổi do bận công việc đột xuất
5	Phạm Minh Trung	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ	17/17	100%	

Trong năm, HĐQT đã đưa các quyết định, nghị quyết:

STT	Số NQ/ QĐ	Ngày	Nội dung
1	03/NQ-XNK-HĐQT	21/01/2022	Về việc thông qua dự thảo lần 01 chương trình, báo cáo và các tờ trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2022
2	16/NQ-XNK-HĐQT	26/01/2022	Về việc phê duyệt kế hoạch sửa chữa lớn năm 2022
3	23/NQ-XNK-HĐQT	20/02/2022	Về việc phê duyệt huy động hạn mức tín dụng để phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2022 và thế chấp tài sản tại các ngân hàng
4	25/NQ-XNK-HĐQT	20/02/2022	Về việc phê duyệt hạn mức tín dụng năm 2022 tại ngân hàng TMCP phát triển TP. HCM
5	28A/NQ-XNK-HĐQT	11/02/2022	Về việc thông qua ký hợp đồng uỷ thác xuất khẩu gạo giữa Công ty với TCty Lương thực miền Nam - CTCP.
6	29/NQ-XNK-HĐQT	1/03/2022	Về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2022
7	31/NQ-XNK-HĐQT	1/03/2022	Về việc xin chủ trương đầu tư trước một số hạng mục phục vụ sản xuất năm 2022 tại các Xí nghiệp CBLT XK
8	37/NQ-XNK-HĐQT	15/03/2022	Về việc bầu chức danh Chủ tịch và phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang nhiệm kỳ 2021 - 2026
9	44/NQ-XNK-HĐQT	30/03/2022	Về việc thông qua thời gian, địa điểm và tài liệu phục vụ ĐHĐCĐ thường niên năm 2022
10	46/NQ-XNK-HĐQT	30/03/2022	Về việc phê duyệt hạn mức tín dụng năm 2022 và thế chấp tài sản dài hạn tại ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang
11	48/NQ-XNK-HĐQT	30/03/2022	Về việc phê duyệt hạn mức tín dụng tại ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ
12	60/NQ-XNK-HĐQT	16/05/2022	Về việc chi cổ tức năm 2021 bằng tiền mặt của Công ty CP XNK Kiên Giang
13	62/NQ-XNK-HĐQT	16/05/2022	Về việc phê duyệt hạn mức tín dụng năm 2022 và thế chấp tài sản tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Quốc
14	64/NQ-XNK-HĐQT	16/05/2022	Về việc phê duyệt hạn mức tín dụng năm 2022 và thế chấp tài sản tại ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn
15	66/NQ-XNK-HĐQT	16/05/2022	Về việc phê duyệt hạn mức tín dụng năm 2022 tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh HCM
16	68/NQ-XNK-HĐQT	16/05/2022	Về việc phê duyệt hạn mức tín dụng năm 2022 tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở Miền Nam

STT	Số NQ/ QĐ	Ngày	Nội dung
17	70/NQ-XNK-HĐQT	16/05/2022	Về việc phê duyệt hạn mức tín dụng năm 2022 tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Kiên Giang
18	72/NQ-XNK-HĐQT	16/05/2022	Về việc phê duyệt hạn mức tín dụng năm 2022 tại Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ
19	82/NQ-XNK-HĐQT	28/06/2022	Về việc chọn Công ty Kiểm toán CPA Việt Nam thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2022
20	85/NQ-XNK-HĐQT	8/07/2022	Về việc họp HĐQT mở rộng về tiền lương, lao động, TCKT, đầu tư và khai thác tài sản, XNK, KHKD
21	102/NQ-XNK-HĐQT	12/08/2022	Về việc đầu tư bổ sung cân bàn phục vụ SXCB Cá Cơm tại Xí nghiệp Chế biến Cá Cơm Hòn Chông
22	104/NQ-XNK-HĐQT	12/08/2022	Về việc phê duyệt hạn mức tín dụng năm 2022 tại ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở Miền Nam
23	106/NQ-XNK-HĐQT	12/08/2022	Về việc xin phê duyệt hạn mức vay vốn theo hợp đồng bán gạo xuất khẩu số 22/P/10045, 22/P/10047 và 22/P/10048 ngày 02/8/2022 tại ngân hàng TMCP ĐT và PTVN - Chi nhánh Phú Quốc
24	114/NQ-XNK-HĐQT	9/09/2022	Về việc thanh lý tài sản, CCDC, bao bì không cần dùng của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang
25	115/NQ-XNK-HĐQT	9/09/2022	Về việc ký kết hợp đồng uỷ thác xuất khẩu gạo với Tổng công ty Lương thực miền Nam
26	118/NQ-XNK-HĐQT	15/09/2022	Về việc ký kết hợp đồng mua bán gạo xuất khẩu với khách hàng là Công ty Cổ phần xây lắp cơ khí và lương thực thực phẩm
27	125/NQ-XNK-HĐQT	15/10/2022	Về việc ký kết hợp đồng mua bán gạo xuất khẩu với khách hàng là Công ty Lương thực Long An
28	124/NQ-XNK-HĐQT	20/10/2022	Về việc tăng giá 1.500 đồng/ kg cho số lượng 10.000 tấn gạo Japonica đang giao của các hợp đồng Công ty đã ký với Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thăng Lợi
29	138/NQ-XNK-HĐQT	4/11/2022	Về việc ký kết hợp đồng thi công gói thầu đầu tư hệ thống băng tải bao nhập hàng kho lúa thuộc công trình Xí nghiệp CBLT XK Sơn Thuận với Công ty Cổ phần Xây lắp cơ khí và lương thực Thực phẩm
30	139/NQ-XNK-HĐQT	5/11/2022	Về việc xin phê duyệt chủ trương thanh lý tài sản cố định không cần dùng của Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Kiên Giang
31	141/NQ-XNK-HĐQT	5/11/2022	Về việc duyệt nguồn vốn đầu tư, mua sắm - XDCB năm 2022 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang
32	146/NQ-XNK-HĐQT	6/12/2022	Về việc thông qua đầu tư máy dò kim loại tại Xí nghiệp Chế biến lương thực xuất khẩu Sơn Thuận, trực thuộc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang
33	147/NQ-XNK-HĐQT	6/12/2022	Về việc thông qua đầu tư máy bơm cho hệ thống phòng cháy chữa cháy tại Xí nghiệp Kinh doanh xăng dầu An Bình, trực thuộc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không có.

Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có.

BAN KIỂM SOÁT

Danh sách thành viên Ban Kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Cá nhân sở hữu		Đại diện sở hữu	
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
1	Trần Thị Mai Trinh	Trưởng ban	11.500	0,05%	-	-
2	Nguyễn Trường Giang	TV Ban KS	8.600	0,034%	-	-
3	Vũ Thị Minh Hiền	TV Ban KS	2.100	0,008%	-	-

LÝ LỊCH BAN KIỂM SOÁT



Bà: TRẦN THỊ MAI TRINH
Trưởng Ban Kiểm soát

- » **Trình độ chuyên môn:** Đại học Kinh tế ngành Tài chính kế toán
- » **Quá trình công tác:**
 - + 1995 - 04/2001: Nhân viên kế toán trạm Sức khỏe tâm thần Kiên Giang.
 - + 05/2001 - 03/2011: Nhân viên Phòng Kế hoạch Kinh doanh Xuất nhập khẩu, Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
 - + 04/2011 - 08/2011: Phó Phòng Kế hoạch Kinh doanh - Xuất nhập khẩu, Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
 - + 09/2011 - 06/2016: Kiểm soát viên của Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
 - + 07/2016 đến nay: Trưởng Ban Kiểm soát của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- » **Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không có
- » **Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:** 11.500 cổ phần, chiếm 0,05% vốn điều lệ, trong đó gồm:
 - + Cá nhân sở hữu: 11.500 cổ phần, chiếm 0,05% vốn điều lệ.
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- » **Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác:** không có
- » **Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:** không có



Ông: NGUYỄN TRƯỜNG GIANG
Thành viên Ban Kiểm soát

- » **Trình độ chuyên môn:** Đại học Kế toán Tổng hợp
- » **Quá trình công tác:**
 - + 20/09/2004 - 31/10/2007: Nhân viên phòng Tài chính Kế toán
 - + 01/11/2007 - 12/2007: Nhân viên Xí nghiệp Chế biến lương thực Xuất khẩu Kiên Long
 - + 15/12/2008 - 31/03/2009: Nhân viên phòng Tài chính Kế toán
 - + 01/04/2009 - 27/05/2010: Quyền Tổ trưởng Kế toán, Xí nghiệp Chế biến lương thực Xuất khẩu Vĩnh Thắng
 - + 28/05/2010 - 08/09/2014: Tổ trưởng Kế toán, Xí nghiệp Chế biến lương thực Xuất khẩu Vĩnh Thắng
 - + 09/09/2014 - 31/03/2016: 09/09/2014 - 31/03/2016 Phó Giám đốc, Xí nghiệp Chế biến lương thực Xuất khẩu Vĩnh Thắng
 - + 01/04/2016 - 04/02/2018: Phó Giám đốc, Xí nghiệp Chế biến lương thực Xuất khẩu Sơn Thuận
 - + 05/02/2018 - 27/4/2021: Phó trưởng phòng Tài chính Kế toán
 - + 29/4/2021 đến nay: Người đại diện của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty Cổ phần tại công ty, Phó trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh Công ty kiêm TV BKS Công ty
- » **Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không có
- » **Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:** 8.600 cổ phần, chiếm 0,034% vốn điều lệ, trong đó gồm:
 - + Cá nhân sở hữu: 8.600 cổ phần, chiếm 0,034% vốn điều lệ.
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- » **Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác:** không có
- » **Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:**

STT	Tên người có liên quan	Quan hệ với Người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu (%)
1	Trần Tú Khanh	Vợ	8.600	0,034%

BAN KIỂM SOÁT (TT)

LÝ LỊCH BAN KIỂM SOÁT (TT)

- » **Trình độ chuyên môn:** Đại học Kế toán
- » **Quá trình công tác:**
 - + 10/10/1994 - 01/02/2002: Nhân viên, Xí nghiệp Chế biến cá cơm Hòn Chông
 - + 01/02/2002 - 01/04/2011: Tổ trưởng Kế toán, Xí nghiệp Chế biến cá cơm Hòn Chông
 - + 01/04/2011 - 30/08/2016: Phó Giám đốc, Xí nghiệp Chế biến cá cơm Hòn Chông
 - + 01/01/2013 - 30/08/2016: Phó Giám đốc kiêm Tổ Trưởng Kế toán, Xí nghiệp Chế biến cá cơm Hòn Chông
 - + Từ 31/08/2016 đến nay: Phó trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh
 - + Từ 29/04/2021 đến nay: Người đại diện của TCTY tại CTy, phó trưởng phòng TCHC kiêm Thành viên BKS CTy .
- » **Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không có
- » **Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:** 2.100 cổ phần, chiếm 0,008% vốn điều lệ, trong đó gồm:
 - + Cá nhân sở hữu: 2.100 cổ phần, chiếm 0,008% vốn điều lệ.
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
- » **Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác:** không có
- » **Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:**



Bà: VŨ THỊ MINH HIỀN
Thành viên Ban Kiểm soát

STT	Tên người có liên quan	Quan hệ với Người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu (%)
1	Vũ Thị Thu Hòa	Em dâu	400	0,002

Các cuộc họp của Ban Kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi tham dự họp	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Trần Thị Mai Trinh	Trưởng ban	02/02	100%	
2	Nguyễn Trường Giang	TV Ban KS	02/02	100%	
3	Vũ Thị Minh Hiền	TV Ban KS	02/02	100%	

Danh sách thay đổi thành viên Ban Kiểm soát trong năm 2022

Không có



BAN KIỂM SOÁT (tiếp theo)

Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông:

01

ĐHĐCĐ thường niên và các phiên họp của HĐQT có sự tham gia của Ban kiểm soát để tham gia ý kiến thảo luận, báo cáo việc kiểm soát các hoạt động của Công ty để đề xuất với HĐQT

02

Ban kiểm soát đã tiến hành các kiểm tra giám sát định kỳ đối với ban điều hành Công ty

03

Thực hiện thẩm định báo cáo tài chính năm 2021, báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2022 theo đúng quy định pháp luật

04

Đề xuất Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông lựa chọn thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 của công ty theo đúng trình tự quy định



Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

01

Ban kiểm soát phối hợp chặt chẽ với HĐQT trong các phiên họp HĐQT đều có tham gia ý kiến đóng góp, báo cáo về công tác kiểm soát

02

Ban kiểm soát phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành, ban chuyên quản nội bộ công ty trong việc kiểm tra kiểm soát định kỳ. Ban điều hành tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát hoạt động thông qua việc cung cấp thông tin, hồ sơ, chứng từ...



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Lương thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

STT	Thành viên	Chức vụ	Tổng lương	Tổng thù lao	Thưởng
1	Ông Bạch Ngọc Văn	Chủ tịch HĐQT	-	84.000.000	61.200.000
2	Ông Đoàn Huỳnh Dũng	Phó Chủ tịch HĐQT	457.200.000	-	32.400.000
3	Ông Phan Hùng Minh	Thành viên HĐQT	-	84.000.000	9.000.000
4	Bà Dương Thị Thanh Nguyệt	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	457.200.000	84.000.000	32.400.000
5	Ông Phạm Minh Trung	Thành viên HĐQT kiêm Phó tổng giám đốc	330.200.000	84.000.000	23.400.000
6	Bà Trần Thị Mai Trinh	Trưởng ban kiểm soát	330.200.000	-	23.400.000
7	Ông Nguyễn Trường Giang	Thành viên BKS	-	48.000.000	-
8	Bà Vũ Thị Minh Hiền	Thành viên BKS	-	48.000.000	-
9	Bà Trần Thị Điệp	Kế toán trưởng	258.300.000	-	18.900.000
TỔNG CỘNG			1.833.100.000	432.000.000	200.700.000

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Ông Phan Hùng Minh	Thành viên HĐQT	2.543.000	10,00%	0	0,00%	Giảm: do bán
2	Ông Đặng Quốc Việt	Người mua	100.000	0,39%	2.643.000	10,39%	Tăng: do mua

Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

- » Công ty cam kết duy trì việc quản trị theo đúng pháp luật, điều lệ, các quy chế nội bộ và các tiêu chí để đảm bảo hoạt động suôn sẻ nhất. Mục tiêu của Công ty là tối đa hóa lợi ích của công ty và các cổ đông, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho giám sát hoạt động của công ty, khuyến khích sử dụng tốt nhất các nguồn lực.
- » Công ty cũng tăng cường kiến thức quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc bằng cách cử cán bộ đi đào tạo theo các thông báo từ UBCKNN, các cơ quan liên quan và các lớp học quản trị công ty. Điều này giúp Công ty nâng cao hiệu quả kinh doanh, khả năng tiếp cận nguồn vốn và giảm chi phí vốn, đồng thời xây dựng lòng tin đối với cổ đông và nhà đầu tư.



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH (TT)

Giao dịch giữa công ty với bên liên quan

Tên tổ chức/cá nhân	Tính chất giao dịch	Giá trị (đồng)		Số NQ/ QĐ của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)
		2022	2021	
Mua hàng		63.661.225.551	16.295.273.000	-
Tổng công ty Lương thực Miền Nam - Công ty cổ phần	Mua hàng hóa	-	16.260.974.000	-
	Mua hàng ủy thác	39.878.845.001	-	28A/NQ-XNK-HĐQT, ngày 11/02/2022
	Mua tài sản cố định	624.200.000	-	138/NQ-XNK-HĐQT, ngày 04/11/2022
Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm	Chi phí sửa chữa tài sản	17.500.000	-	138/NQ-XNK-HĐQT, ngày 04/11/2022
	Phí gia công	25.000.000	-	138/NQ-XNK-HĐQT, ngày 04/11/2022
Công ty Lương thực Trà Vinh	Mua hàng hóa	990.000.000	34.299.000	-
Công ty Lương thực Long An	Mua hàng hóa	22.125.680.550	-	125/NQ-XNK-HĐQT, ngày 15/10/2022
Mua dịch vụ		10.799.689	23.731.360	-
Tổng công ty Lương thực Miền Nam - Công ty cổ phần	Phí giao nhận, ủy thác, phí làm hàng	10.799.689	23.731.360	115/NQ-XNK-HĐQT, ngày 09/9/2022
Bán hàng		59.529.491.359	3.973.860.720	-
Tổng công ty Lương thực Miền Nam - Công ty cổ phần	Bán hàng ủy thác	1.151.931.900	3.973.860.720	115/NQ-XNK-HĐQT, ngày 09/9/2022
	Bán hàng hóa	57.238.515.000	-	28A/NQ-XNK-HĐQT, ngày 11/02/2022
	Phí ủy thác xuất khẩu	4.755.859	-	115/NQ-XNK-HĐQT, ngày 09/9/2022
Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm	Bán hàng hóa	1.116.000.000	-	118/NQ-XNK-HĐQT, ngày 15/10/2022
Công ty cổ phần Lương thực Long An	Bán hàng hóa	18.288.600	-	125/NQ-XNK-HĐQT



BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2022

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	91
Ý kiến kiểm toán	93
Báo cáo tài chính được kiểm toán	95



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở chuyển từ Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Kiên Giang thuộc Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Lương thực Miền Nam (nay là Tổng Công ty Lương thực Miền Nam – Công ty cổ phần) thành công ty cổ phần theo Quyết định số 11/QĐ-HĐTV ngày 16/01/2015 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Lương thực Miền Nam về việc tiến hành cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Kiên Giang. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 1700100989 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp lần đầu ngày 07/11/2005, các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là lần thứ 20 ngày 10/5/2018.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: KIEN GIANG IMPORT & EXPORT JOINT STOCK COMPANY.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700100989 thay đổi lần thứ 20 ngày 10/5/2018 là 254.300.000.000 VND (Bằng chữ: Hai trăm năm mươi bốn tỷ ba trăm triệu đồng chẵn).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được giao dịch trên Sàn UpCOM. Mã giao dịch: KGM.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Bạch Ngọc Văn	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 15/3/2022) Thành viên (Miễn nhiệm ngày 15/3/2022)
Ông Đoàn Huỳnh Dũng	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 15/3/2022) Phó Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 15/3/2022)
Ông Phan Hùng Minh	Thành viên
Bà Dương Thị Thanh Nguyệt	Thành viên
Ông Phạm Minh Trung	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Bà Trần Thị Mai Trinh	Trưởng ban
Ông Nguyễn Trường Giang	Thành viên
Bà Vũ Thị Minh Hiền	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Bà Dương Thị Thanh Nguyệt	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Minh Trung	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, ngoài sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán được trình bày tại Thuyết minh số 7.1, không có sự kiện bất thường nào khác xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc nhầm lẫn;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Dương Thị Thanh Nguyệt
Tổng Giám đốc
Kiên Giang, ngày 28 tháng 02 năm 2023

Số: 84/2023/BCKT-CPA VIETNAM-NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang, được lập ngày 28/02/2023, từ trang 06 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác với Báo cáo kiểm toán độc lập ngày 16/02/2022 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Nguyễn Thị Mai Hoa
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1
Giấy Ủy quyền số: 08/2023/UQCN-CPA VIETNAM ngày 06/01/2023 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc
Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT
Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2023

Vũ Xuân Hùng
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4015-2022-137-1

TI
TY
AN
KH
AN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130)	100		805.018.068.766	707.273.162.944
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	473.315.910.679	26.300.477.326
1. Tiền	111		419.315.910.679	26.300.477.326
2. Các khoản tương đương tiền	112		54.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		94.843.280.018	358.183.126.196
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	85.222.697.843	292.933.692.812
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	9.799.819.820	50.422.691.643
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	280.213.039	15.286.192.425
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(459.450.684)	(459.450.684)
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	194.606.176.702	288.135.187.139
1. Hàng tồn kho	141		214.589.458.375	327.769.454.052
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(19.983.281.673)	(39.634.266.913)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		42.252.701.367	34.654.372.283
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	1.203.312.470	1.313.305.230
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		41.049.268.897	33.340.947.053
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.10	120.000	120.000
B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		203.215.897.535	209.639.457.296
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		48.000.000	48.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	48.000.000	48.000.000
II. Tài sản cố định	220		144.852.345.909	153.073.676.809
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	144.852.345.909	153.073.676.809
- Nguyên giá	222		456.069.754.461	459.616.793.183
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(311.217.408.552)	(306.543.116.374)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.356.388.307	1.356.388.307
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	1.356.388.307	1.356.388.307
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		56.959.163.319	55.161.392.180
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	56.959.163.319	55.161.392.180
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		1.008.233.966.301	916.912.620.240

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+320)	300		744.213.995.496	646.128.719.474
I. Nợ ngắn hạn	310		741.448.153.555	646.128.719.474
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	48.817.094.849	8.946.143.585
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.11	45.269.244.263	82.364.848.172
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	4.045.710.132	743.701.625
4. Phải trả người lao động	314		5.465.578.421	9.600.459.637
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	9.091.373.041	2.385.930.481
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	8.642.182.837	8.544.164.692
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	616.688.281.847	530.630.349.740
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		636.819.378	-
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		2.791.868.787	2.913.121.542
II. Nợ dài hạn	330		2.765.841.941	-
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.15	2.765.841.941	-
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		264.019.970.805	270.783.900.766
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.16	264.019.970.805	270.783.900.766
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		254.300.000.000	254.300.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		254.300.000.000	254.300.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.039.313.829	2.656.581.947
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.680.656.976	13.827.318.819
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.680.656.976	13.827.318.819
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		1.008.233.966.301	916.912.620.240

Người lập biểu

Chutme

Nguyễn Thị Chúc Hà

Kế toán trưởng

Trần Thị Điệp

Trần Thị Điệp

Kiên Giang, ngày 28 tháng 02 năm 2023

Tổng Giám đốc



Dương Thị Thanh Nguyệt



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	4.258.633.894.568	4.629.239.043.081
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	752.670.750	3.803.400.569
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.1	4.257.881.223.818	4.625.435.642.512
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	3.794.190.842.021	4.310.955.371.377
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		463.690.381.797	314.480.271.135
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	34.972.988.186	30.768.379.242
7. Chi phí tài chính	22	6.4	67.306.601.845	32.129.046.210
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		27.985.703.290	21.289.570.879
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	376.150.329.247	267.417.689.310
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	34.437.662.847	28.675.015.442
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		20.768.776.044	17.026.899.415
11. Thu nhập khác	31	6.6	1.986.622.823	4.826.163.622
12. Chi phí khác	32	6.6	11.799.062.266	4.047.274.197
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	(9.812.439.443)	778.889.425
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		10.956.336.601	17.805.788.840
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	5.275.679.625	3.978.470.021
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		5.680.656.976	13.827.318.819
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	223	492

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Kiên Giang, ngày 28 tháng 02 năm 2023

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Chúc Hà

Trần Thị Diệp

Dương Thị Thanh Nguyệt



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		10.956.336.601	17.805.788.840
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		16.677.926.066	25.188.450.959
- Các khoản dự phòng	03		(19.014.165.862)	(10.337.017.898)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		8.582.873.934	1.921.039.576
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(671.148.044)	(29.473.751)
- Chi phí lãi vay	06		27.985.703.290	21.289.570.879
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		44.517.525.985	55.838.358.605
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		244.501.495.399	(306.503.323.697)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		113.179.995.677	199.962.403.882
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		4.955.201.615	(254.409.605.695)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.687.778.379)	(356.886.402)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(27.550.281.041)	(21.174.837.798)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.974.182.805)	(4.675.673.538)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		1.590.243.961	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.349.499.692)	(782.246.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		376.182.720.720	(332.101.810.643)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(9.297.438.664)	(2.779.367.888)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.046.110.216	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		270.832.979	29.473.751
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(7.980.495.469)	(2.749.894.137)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		3.072.209.646.553	3.503.829.554.439
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2.983.216.110.005)	(3.233.563.559.079)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.859.397.600)	(21.106.900.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		87.134.138.948	249.159.095.360
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		455.336.364.199	(85.692.609.420)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		26.300.477.326	112.004.272.579
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	61		(8.320.930.846)	(11.185.833)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	5.1	473.315.910.679	26.300.477.326

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Kiên Giang, ngày 28 tháng 02 năm 2023

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Chúc Hà

Trần Thị Diệp

Dương Thị Thanh Nguyệt



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang được thành lập trên cơ sở chuyển từ Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Kiên Giang thuộc Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Lương thực Miền Nam (nay là Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty cổ phần) thành công ty cổ phần theo Quyết định số 11/QĐ-HĐTV ngày 16/01/2015 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Lương thực Miền Nam về việc tiến hành cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Kiên Giang. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 1700100989 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp lần đầu ngày 07/11/2005, các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là lần thứ 20 ngày 10/5/2018.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: KIEN GIANG IMPORT & EXPORT JOINT STOCK COMPANY.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700100989 thay đổi lần thứ 20 ngày 10/5/2018 là 254.300.000.000 VND (Bằng chữ: Hai trăm năm mươi bốn tỷ ba trăm triệu đồng chẵn).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được giao dịch trên Sàn UpCOM. Mã giao dịch: KGM.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 85 – 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2022 là 270 người (tại ngày 31/12/2021 là 280 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Trồng lúa;
- Trồng cây lâu năm khác;
- Xây xát và sản xuất bột thô;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: - Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan (không kinh doanh tại trụ sở công ty) - Kinh doanh củi trấu;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn xi măng;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp;
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột (mì, miêng đóng gói,...); thực phẩm khác (cá đóng hộp, cà phê đóng gói, cà phê sữa, sữa milo, dầu ăn, nước mắm, nước tương, tương ớt, hạt nêm, trà,...); thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ bia, nước ngọt, trà xanh các loại, nước yến, nước tinh khiết đóng chai, sương sâm, trái vải,...;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ xăng dầu và các sản phẩm liên quan (không kinh doanh tại trụ sở công ty);

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh (bông giấy vệ sinh, tã, nước tẩy, xà bông bột, nước xả, nhang muỗi,...);
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Bán buôn nông sản;
- Bán buôn gạo;
- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Bán buôn thủy sản;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Sản xuất chế biến, kinh doanh các mặt hàng lương thực, cá cơm và kinh doanh xăng dầu./

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp

Các đơn vị trực thuộc của Công ty tại ngày 31/12/2022 bao gồm:

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang - Xí nghiệp Chế biến lương thực xuất khẩu An Hòa	44 Ngô Thời Nhiệm, phường An Bình, tỉnh Kiên Giang
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang - Xí nghiệp Chế biến lương thực Xuất khẩu Tân Phú	Ấp Tân Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang - Xí nghiệp Chế biến lương thực Xuất khẩu Thạnh Hưng	Ấp Thạnh Trung, xã Thạnh Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang - Xí nghiệp Chế biến lương thực Xuất khẩu Vĩnh Thắng	Tổ 4, ấp Vĩnh Tiến, xã Vĩnh Thắng, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang - Xí nghiệp Chế biến lương thực Xuất khẩu Sơn Thuận	Ấp Vàm Răng, xã Sơn Kiên, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang - Xí nghiệp Chế biến Cá Cơm Hòn Chông	Xã Bình An, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang - Xí nghiệp Kinh Doanh Xăng Dầu An Bình	44 Ngô Thời Nhiệm, phường An Bình, tỉnh Kiên Giang

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ giao dịch phát sinh tại các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc và văn phòng Công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và Ngân hàng thương mại cổ phần;

- Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của Ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của Ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính

Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, nợ phải thu...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại cổ phần nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày 31/12/2022.

Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Thương mại cổ phần nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày 31/12/2022.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc, thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	05 - 10

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Thuê hoạt động

Các khoản thuê hoạt động của Công ty bao gồm thuê mặt bằng để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ, bao bì chờ phân bổ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản

Các khoản chi phí sửa chữa tài sản được Công ty phân loại thành sửa chữa nhỏ và sửa chữa lớn. Các khoản chi chi phí này được phân bổ dần vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian tối đa 12 tháng (đối với chi phí sửa chữa nhỏ) và tối đa 36 tháng (đối với chi phí sửa chữa lớn).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước (Tiếp theo)

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ tương đương với thời gian hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm liên quan.

Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm các khoản trả trước để thuê đất, trong đó bao gồm cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định vô hình và các chi phí khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận và phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của Hợp đồng thuê đất tương ứng với thời gian từ 40-50 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau

- Chi phí lãi vay phải trả: trích trước dựa trên số dư nợ, lãi suất áp dụng và số ngày tính lãi, căn cứ trên hợp đồng vay.
- Các khoản chi phí dịch vụ mua ngoài khác: được trích trước khi thực tế Công ty đã nhận được hàng hóa, dịch vụ liên quan, tuy nhiên chưa nhận được hóa đơn, giá trị trích trước được căn cứ vào hợp đồng, hoặc thỏa thuận giữa Công ty và nhà cung cấp.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay từ các Ngân hàng thương mại cổ phần.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Báo cáo tài chính sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty phê duyệt mức chia cổ tức.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm (các mặt hàng lương thực như lúa gạo, cá cơm và các mặt hàng xăng, dầu, dầu nhớt) và doanh thu cung cấp dịch vụ khác.

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, lỗ chênh lệch tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ hoặc khi thanh toán nợ phải trả, hoặc thu hồi các khoản nợ phải thu.

10
TY
AN
KH
ANG

10
TY
AN
KH
ANG

10
TY
AN
KH
ANG

10
TY
AN
KH
ANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là Sản xuất chế biến, kinh doanh các mặt hàng lương thực, cá cơm và kinh doanh xăng dầu và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý là trong nước và nước ngoài. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực hoạt động kinh doanh và theo khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Tiền mặt	308.947.700	548.689.500
Tiền gửi ngân hàng	419.006.962.979	25.751.787.826
Các khoản tương đương tiền	54.000.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng (i)	54.000.000.000	-
Tổng	473.315.910.679	26.300.477.326

(i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Quốc và Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam – Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh. Lãi suất áp dụng là 6%/năm.

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Louis Dreyfus Asia Pte Ltd	-	73.124.714.354
Akila Trading (PTY) Ltd	2.068.273.500	3.707.585.038
Sikakroabea Co.Ltd	1.180.495.134	184.707.768.045
Công ty TNHH Chế biến lương thực Thanh Nhân	12.017.385	17.820.000.000
Perum BULOG	54.952.634.000	-
At Korea Agro-Fisheries & Food Trade Corporation	12.706.300.713	-
Phải thu các đối tượng khác	14.302.977.111	13.573.625.375
Tổng	85.222.697.843	292.933.692.812

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ Cao Đại Tài	-	16.020.000.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Chế biến lương thực Thăng Lợi	-	15.552.707.984
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thương Mại Ngọc Tài	-	6.520.000.000
Agri Corp Limited	2.566.258.375	-
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Đạt Nghĩa	2.040.000.000	-
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Lương thực Vinh Phát	3.990.000.000	-
Phải thu các đối tượng khác	1.203.561.445	12.329.983.659
Tổng	9.799.819.820	50.422.691.643

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.4 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	280.213.039	(126.350.025)	15.286.192.425	(126.350.025)
Tạm ứng tiền mua gạo theo chỉ tiêu Công ty giao	-	-	5.880.900.000	-
Phải thu Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty cổ phần do ứng trước tiền cổ tức năm 2021	-	-	9.278.942.400	-
Lãi dự thu của các khoản tiền gửi có kỳ hạn	153.863.014	-	-	-
Phải thu khác	126.350.025	(126.350.025)	126.350.025	(126.350.025)
Dài hạn	48.000.000	-	48.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	48.000.000	-	48.000.000	-
Tổng	328.213.039	(126.350.025)	15.334.192.425	(126.350.025)

Trong đó

Phải thu ngắn hạn khác là các bên liên quan

(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

KIÊN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.5 Nợ xấu

Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	31/12/2022 (VND)			01/01/2022 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Các khoản phải thu khách hàng	199.757.000	-	(199.757.000)	199.757.000	-	(199.757.000)
Công ty TNHH Mỹ Nghi - Nguyễn Ngọc Thảo	129.757.000	-	(129.757.000)	129.757.000	-	(129.757.000)
Công ty TNHH Tâm Hùng	70.000.000	-	(70.000.000)	70.000.000	-	(70.000.000)
Trả trước cho người bán	133.343.659	-	(133.343.659)	133.343.659	-	(133.343.659)
Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng Thiên Nam Dương	17.604.000	-	(17.604.000)	17.604.000	-	(17.604.000)
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Duy Tân	65.739.659	-	(65.739.659)	65.739.659	-	(65.739.659)
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Bảo	50.000.000	-	(50.000.000)	50.000.000	-	(50.000.000)
Phải thu khác	126.350.025	-	(126.350.025)	126.350.025	-	(126.350.025)
Công ty TNHH Hoàng Mỹ	51.385.725	-	(51.385.725)	51.385.725	-	(51.385.725)
DNTN Mê Linh, An Giang	40.808.300	-	(40.808.300)	40.808.300	-	(40.808.300)
DNTN Út Hoàng (Lê Thị Hoàng)	34.156.000	-	(34.156.000)	34.156.000	-	(34.156.000)
Tổng	459.450.684	-	(459.450.684)	459.450.684	-	(459.450.684)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Số 85 – 87 đường Lạc Hồng,

Phường Vĩnh Lạc

Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	-	-	6.920.545.455	-
Nguyên liệu, vật liệu (i)	120.354.766.819	(10.602.690.570)	170.358.284.842	(27.381.817.509)
Công cụ, dụng cụ	572.562.029	-	1.736.919.655	-
Thành phẩm (i)	26.621.281.074	(3.683.433.570)	76.952.476.397	-9.746.804.342
Hàng hóa (i)	67.040.848.453	(5.697.157.533)	71.801.227.703	-2.505.645.062
Tổng	214.589.458.375	(19.983.281.673)	327.769.454.052	(39.634.266.913)

(i) Giá trị hàng tồn kho, bao gồm nguyên liệu chính, thành phẩm và hàng hóa, luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang hình thành từ vốn vay được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay đối với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kiên Giang và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Quốc (Thuyết minh số 5.15) tại ngày 31/12/2022 là 213.327.407.021 VND (tại ngày 01/01/2022: 325.502.699.004 VND).

5.7 Chi phí trả trước

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Ngắn hạn	1.203.312.470	1.313.305.230
Công cụ, dụng cụ, bao bì chờ phân bổ	462.601.732	298.667.411
Chi phí sửa chữa tài sản	454.330.105	360.455.838
Chi phí bảo hiểm	131.833.580	129.535.708
Chi phí bốc xếp, đồ đạc, gia công hàng chờ xuất	135.713.715	385.565.661
Các khoản khác	18.833.338	139.080.612
Dài hạn	56.959.163.319	55.161.392.180
Công cụ, dụng cụ, bao bì chờ phân bổ	665.191.475	527.957.908
Chi phí sửa chữa tài sản	7.895.529.142	5.316.967.110
Chi phí bảo hiểm	161.904.328	138.878.483
Tiền thuê đất trả trước (i)	47.926.093.583	49.177.588.679
Các chi phí khác	310.444.791	-
Tổng	58.162.475.789	56.474.697.410

(i) Tiền thuê đất trả trước trình bày giá trị còn lại của các quyền sử dụng đất có nguồn gốc từ đất giao có thu tiền sử dụng đất với thời gian thuê tối đa 50 năm. Theo các văn bản của Cục thuế tỉnh Kiên Giang, các lô đất này không phải trả tiền thuê đất trong khoản thời gian còn lại.

Tại ngày 31/12/2022, giá trị còn lại chưa phân bổ của các quyền sử dụng đất thuê đề cập bên trên đang được cầm cố, thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng thương mại cổ phần là 46.292.542.796 VND (tại ngày 31/12/2021: 47.505.826.184 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Số 85 – 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc

Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.8 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại ngày 01/01/2022	224.460.948.866	157.762.033.580	74.993.674.001	884.344.630	1.515.792.106	459.616.793.183
Tăng trong năm	3.284.796.812	5.153.314.580	859.327.272	-	-	9.297.438.664
Mua trong năm	3.284.796.812	5.153.314.580	859.327.272	-	-	9.297.438.664
Giảm trong năm	761.740.000	10.037.219.381	2.045.518.005	-	-	12.844.477.386
Thanh lý, nhượng bán	761.740.000	10.037.219.381	2.045.518.005	-	-	12.844.477.386
Số dư tại ngày 31/12/2022	226.984.005.678	152.878.128.779	73.807.483.268	884.344.630	1.515.792.106	456.069.754.461
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại ngày 01/01/2022	142.577.756.168	101.967.431.721	59.773.540.309	757.248.313	1.467.139.863	306.543.116.374
Tăng trong năm	5.771.473.589	7.215.565.656	3.679.796.110	42.060.600	10.215.444	16.719.111.399
Khấu hao trong năm	5.771.473.589	7.215.565.656	3.679.796.110	42.060.600	10.215.444	16.719.111.399
Giảm trong năm	761.740.000	9.237.561.216	2.045.518.005	-	-	12.044.819.221
Thanh lý, nhượng bán	761.740.000	9.237.561.216	2.045.518.005	-	-	12.044.819.221
Số dư tại ngày 31/12/2022	147.587.489.757	99.945.436.161	61.407.818.414	799.308.913	1.477.355.307	311.217.408.552
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2022	81.883.192.698	55.794.601.859	15.220.133.692	127.096.317	48.652.243	153.073.676.809
Tại ngày 31/12/2022	79.396.515.921	52.932.692.618	12.399.664.854	85.035.717	38.436.799	144.852.345.909

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 73.862.109.080 VND (tại ngày 31/12/2021: 70.058.046.356 VND).

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đang được cầm cố thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại ngày 31/12/2022 là 105.319.779.975 VND (tại ngày 31/12/2021: 106.988.426.265 VND).

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình chờ thanh lý tại ngày 31/12/2022 là 1.731.496.608 VND (tại ngày 31/12/2021: 1.210.484.790 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANGSố 85 – 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc
Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Công trình mở rộng sân phơi, nhà ở công nhân tại Xí nghiệp Cá Cơm (i)	1.356.388.307	1.356.388.307
Tổng	1.356.388.307	1.356.388.307

(i) Chi phí đầu tư cho Công trình mở rộng sân phơi, nhà ở công nhân tại Xí nghiệp Cá Cơm bao gồm tiền chi để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chi phí tư vấn, và các khoản chi phí đầu tư khác. Đến ngày 31/12/2022, Công ty vẫn chưa có kế hoạch tiếp tục triển khai thực hiện đầu tư xây dựng công trình này.

5.10 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thảo Minh Châu	94.003.718	94.003.718	151.559.052	151.559.052
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ Cao Hiếu Nhân	-	-	3.767.010.375	3.767.010.375
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Chế biến lương thực Thăng Lợi	45.150.000.000	45.150.000.000	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	3.573.091.131	3.573.091.131	5.027.574.158	5.027.574.158
Tổng	48.817.094.849	48.817.094.849	8.946.143.585	8.946.143.585

5.11 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Syarikat Pelangi Tinggi	26.138.522.867	30.939.382.500
Perissos Vitoria Unipessoal.LDA	-	25.794.275.742
Công ty Cổ phần Lương thực Hưng Phước	-	16.100.000.000
Timor Food Unipessoal LDA	16.234.033.000	-
Các đối tượng khác	2.896.688.396	9.531.189.930
Tổng	45.269.244.263	82.364.848.172

Trong đó:

Người mua trả tiền trước là các bên liên quan
(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)

379.804.839	-
-------------	---

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANGSố 85 – 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc
Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.12 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	01/01/2022	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2022
Phải nộp	743.701.625	6.992.258.163	3.690.249.656	4.045.710.132
Thuế giá trị gia tăng	-	1.058.315.052	1.058.315.052	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	728.369.842	5.275.679.625	1.974.182.805	4.029.866.662
Thuế thu nhập cá nhân	15.331.783	268.032.507	267.520.820	15.843.470
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	377.230.979	377.230.979	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	13.000.000	13.000.000	-
Phải thu	120.000	-	-	120.000
Thuế giá trị gia tăng	120.000	-	-	120.000

5.13 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Trích trước chi phí lãi vay	750.739.548	315.317.299
Trích trước các khoản chi phí làm hàng	7.484.634.005	1.620.562.280
Trích trước chi phí vận chuyển	-	56.841.600
Trích trước chi phí sửa chữa	395.488.070	-
Trích trước chi phí dịch vụ	281.000.000	-
Các khoản khác	179.511.418	393.209.302
Tổng	9.091.373.041	2.385.930.481

5.14 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Kinh phí công đoàn	25.904.516	87.886.371
Phải trả lãi tiền lãi chậm nộp tiền cổ phần hóa cho Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần	7.902.592.072	7.902.592.072
Phải trả, phải nộp khác	713.686.249	553.686.249
Tổng	8.642.182.837	8.544.164.692

Trong đó:

Phải trả các bên liên quan

(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)

7.902.592.072	7.902.592.072
---------------	---------------

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.15 Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2022 (VND)		Biến động trong năm (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	616.688.281.847	616.688.281.847	3.069.443.804.612	2.983.385.872.505	530.630.349.740	530.630.349.740
<i>Vay ngắn hạn trong năm</i>	<i>614.140.281.847</i>	<i>614.140.281.847</i>	<i>3.066.195.804.612</i>	<i>2.980.779.605.505</i>	<i>528.724.082.740</i>	<i>528.724.082.740</i>
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Kiên Giang (i)	135.565.242.163	135.565.242.163	727.701.117.137	696.422.722.324	104.286.847.350	104.286.847.350
Ngân Hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	-	225.086.406.000	225.086.406.000	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Phú Quốc - vay VND (ii)	297.519.652.047	297.519.652.047	1.093.003.861.438	1.049.312.064.781	253.827.855.390	253.827.855.390
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Phú Quốc - vay USD (ii)	44.675.831.250	44.675.831.250	44.845.593.750	169.762.500	-	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Kiên Giang	-	-	107.630.236.000	165.778.276.000	58.148.040.000	58.148.040.000
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - CN Cần Thơ	-	-	27.677.625.000	27.677.625.000	-	-
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - CN Sài Gòn (iii)	136.379.556.387	136.379.556.387	432.694.163.387	349.007.087.000	52.692.480.000	52.692.480.000
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN TP. Hồ Chí Minh	-	-	347.285.360.900	387.889.160.900	40.603.800.000	40.603.800.000
Ngân hàng TMCP Phát triển Việt Nam - CN TP. Hồ Chí Minh	-	-	60.271.441.000	79.436.501.000	19.165.060.000	19.165.060.000
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i>	<i>2.548.000.000</i>	<i>2.548.000.000</i>	<i>3.248.000.000</i>	<i>2.606.267.000</i>	<i>1.906.267.000</i>	<i>1.906.267.000</i>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Phú Quốc (iv)	2.548.000.000	2.548.000.000	3.248.000.000	2.606.267.000	1.906.267.000	1.906.267.000
b) Vay dài hạn	2.765.841.941	2.765.841.941	6.013.841.941	3.248.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Phú Quốc (iv)	2.765.841.941	2.765.841.941	6.013.841.941	3.248.000.000	-	-
Tổng	619.454.123.788	619.454.123.788	3.075.457.646.553	2.986.633.872.505	530.630.349.740	530.630.349.740

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.15 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(i) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Kiên Giang theo Hợp đồng cấp tín dụng số 0028/22/HDK-KIGIMEX ngày 31/5/2022. Giới hạn cấp tín dụng tối đa cho Công ty là 150.000.000.000 VND, các Hợp đồng tín dụng cụ thể đối với các ngành hàng của Công ty như sau:

Ngành hàng chế biến kinh doanh lúa gạo (tương thực): Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0028/22/0361/RG/GAO ngày 31/5/2022

- Hạn mức cho vay: 150.000.000.000 VND;
- Thời hạn hiệu lực: từ ngày hợp đồng này có hiệu lực đến hết ngày 30/5/2023;
- Mục đích vay: tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh Gạo các loại của Công ty nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định;
- Thời hạn cho vay của từng khoản vay: tối đa 06 (sáu) tháng;
- Lãi suất: được xác định thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trong Giấy nhận nợ hoặc được ấn định cố định cụ thể trong Giấy nhận nợ;

Ngành hàng kinh doanh xăng dầu: Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0028/22/0341/RG/XD ngày 31/5/2022

- Hạn mức cho vay: 60.000.000.000 VND;
- Thời hạn hiệu lực: từ ngày hợp đồng này có hiệu lực đến hết ngày 30/5/2023;
- Mục đích vay: tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động kinh doanh xăng dầu của Công ty nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định;
- Thời hạn cho vay của từng khoản vay: tối đa 03 (ba) tháng;
- Lãi suất: được xác định thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trong Giấy nhận nợ hoặc được ấn định cố định cụ thể trong Giấy nhận nợ;

Các khoản tín dụng với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kiên Giang được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình gồm máy móc, day chuyển sản xuất, tài sản gắn liền với đất tại Xí nghiệp Chế biến Lương thực Xuất khẩu Vĩnh Thắng trực thuộc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang, hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh hình thành từ vốn vay, quyền tài sản phát sinh từ tất cả các Hợp đồng ký giữa Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang và bên mua/bên thứ ba hình thành từ nguồn vốn vay do Ngân hàng tài trợ.

5.15 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(ii) Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Quốc theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/2022/679501/HĐTD ngày 07/6/2022 với các thông tin chi tiết như sau:

- Hạn mức cấp tín dụng là 400.000.000.000 VND.
 - Mục đích: bổ sung vốn lưu động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1700100989 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp lần đầu ngày 07/11/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 10/5/2018.
 - Thời hạn cấp hạn mức: Kể từ ngày ký Hợp đồng này đến hết ngày 31/5/2023;
 - Lãi suất: được xác định theo từng Hợp đồng cụ thể được phát hành;
 - Hình thức đảm bảo tiền vay: đảm bảo bằng quyền sử dụng và tài sản gắn liền với đất, xe ô tô, tàu đánh cá/tàu chèo đò, máy móc thiết bị thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- Tại ngày 31/12/2022, số dư nợ gốc Công ty còn phải trả cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Quốc bao gồm:
- Các khoản vay ngắn hạn bằng VND: 297.519.652.047 VND;
 - Các khoản vay ngắn hạn bằng USD: 1.886.250 USD.

(iii) Vay Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn theo Hợp đồng tín dụng số LAV220089427/1401 ngày 14/10/2022 với các thông tin chi tiết như sau:

- Hạn mức cho vay: 200.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương;
- Thời hạn hiệu lực: từ ngày Hợp đồng này có hiệu lực đến hết ngày 13/10/2023;
- Thời hạn vay của từng khoản vay không quá 06 (sáu) tháng;
- Mục đích vay: bổ sung vốn phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Lãi suất vay: được xác định cụ thể tại từng Khế ước nhận nợ;
- Hình thức đảm bảo tiền vay: số tiền ký quỹ với giá trị bằng tối thiểu 5% trị giá bảo lãnh, LC; Công trình xây dựng trên đất, hệ thống máy móc thiết bị tại Kho chứa lương thực Sơn Thuận trực thuộc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.

5.15 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(iv) Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Quốc theo Hợp đồng tín dụng trung dài hạn như sau:

Hợp đồng số 01/2022/679501/HĐTD ngày 29/4/2022:

- Số tiền vay: 4.150.567.592 VND;
- Mục đích vay: Đầu tư tài sản cố định gián tiếp, phục vụ hoạt động kinh doanh;
- Thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày Ngân hàng giải ngân đầu tiên;
- Lãi suất cho vay trong hạn: 9%/năm; áp dụng trong 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Sau thời gian này, lãi suất được điều chỉnh 6 tháng 1 lần hoặc khi mặt bằng lãi suất trên thị trường có biến động;
- Lãi suất quá hạn áp dụng với nợ gốc quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn;
- Lãi chậm trả đối với nợ lãi chậm trả là 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả nhưng tối đa không quá 2.000.000 VND/lần chậm trả;
- Nợ gốc vay được trả trong 12 kỳ, mỗi kỳ 03 tháng hoặc hàng quý, vào ngày 25 cuối cùng hàng kỳ trả nợ.

Hợp đồng cấp tín dụng số 03/2022/67950/HĐTD ngày 18/11/2022:

- Số tiền vay: 3.434.555.250 VND;
- Mục đích vay: Đầu tư tài sản cố định gián tiếp, phục vụ hoạt động kinh doanh;
- Thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày Ngân hàng giải ngân đầu tiên;
- Lãi suất cho vay trong hạn: 10%/năm; áp dụng trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Sau thời gian này, lãi suất được điều chỉnh 6 tháng 1 lần hoặc khi mặt bằng lãi suất trên thị trường có biến động;
- Lãi suất quá hạn áp dụng với nợ gốc quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn;
- Lãi chậm trả đối với nợ lãi chậm trả là 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả nhưng tối đa không quá 2.000.000 VND/lần chậm trả;
- Nợ gốc vay được trả trong 12 kỳ, mỗi kỳ 03 tháng hoặc hàng quý, vào ngày 25 cuối cùng hàng kỳ trả nợ;
- Hình thức đảm bảo tiền vay: Tài sản hình thành từ vốn vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.16 Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND			Tổng
	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	
Số dư tại ngày 01/01/2021	254.300.000.000	1.402.067.630	25.090.286.344	280.792.353.974
Lãi trong năm	-	-	13.827.318.819	13.827.318.819
Chia cổ tức	-	-	(21.106.900.000)	(21.106.900.000)
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	1.254.514.317	(1.254.514.317)	-
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(2.509.028.643)	(2.509.028.643)
Trích Quỹ thưởng ban điều hành	-	-	(119.843.384)	(119.843.384)
Trích Quỹ tham gia từ thiện xã hội	-	-	(100.000.000)	(100.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2021	254.300.000.000	2.656.581.947	13.827.318.819	270.783.900.766
Số dư tại ngày 01/01/2022	254.300.000.000	2.656.581.947	13.827.318.819	270.783.900.766
Lãi trong năm	-	-	5.680.656.976	5.680.656.976
Chia cổ tức (i)	-	-	(11.138.340.000)	(11.138.340.000)
Trích Quỹ đầu tư phát triển (i)	-	1.382.731.882	(1.382.731.882)	-
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	(1.067.973.749)	(1.067.973.749)
Trích Quỹ thưởng người quản lý (i)	-	-	(138.273.188)	(138.273.188)
Trích Quỹ tham gia từ thiện xã hội (i)	-	-	(100.000.000)	(100.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2022	254.300.000.000	4.039.313.829	5.680.656.976	264.019.970.805

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

(i) Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 số 57/NQ-XNK-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2022, Công thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

- Chia cổ tức với tỷ lệ 4,38% trên vốn điều lệ tương đương 438 VND/cổ phần, và 11.138.340.000 VND;

- Trích lập Quỹ đầu tư phát triển: 10% lợi nhuận sau thuế, tương đương 1.382.731.882 VND;

- Trích lập Quỹ khen thưởng với tỷ lệ là 4% trên lợi nhuận sau thuế, tương đương với 553.092.753 VND; Quỹ phúc lợi với tỷ lệ là 3,72% trên lợi nhuận sau thuế, tương đương với 514.880.996 VND; Quỹ thưởng người quản lý với tỷ lệ 1% lợi nhuận sau thuế, tương đương với 138.273.188 VND;

- Trích lập Quỹ tham gia hoạt động từ thiện xã hội: 0,73% lợi nhuận sau thuế, tương đương 100.000.000 VND.

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2022			Tại ngày 01/01/2022		
	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)
Tổng công ty Lương thực Miền Nam - Công ty cổ phần	21.184.800	83,31%	211.848.000.000	21.184.800	83,31%	211.848.000.000
Ông Đặng Quốc Việt	2.643.000	10,39%	26.430.000.000	100.000	0,39%	1.000.000.000
Ông Phan Hùng Minh	-	0,00%	-	2.543.000	10,00%	25.430.000.000
Các cổ đông khác	1.602.200	6,30%	16.022.000.000	1.602.200	6,30%	16.022.000.000
Tổng	25.430.000	100,00%	254.300.000.000	25.430.000	100,00%	254.300.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và chia lợi nhuận

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	254.300.000.000	254.300.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	254.300.000.000	254.300.000.000
Cổ tức đã chia	11.138.340.000	21.106.900.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2022 Cổ phiếu	01/01/2022 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	25.430.000	25.430.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	25.430.000	25.430.000
Cổ phiếu phổ thông	25.430.000	25.430.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.430.000	25.430.000
Cổ phiếu phổ thông	25.430.000	25.430.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phần)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	4.039.313.829	2.656.581.947

5.17 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

a. Tài sản thuê ngoài

Công ty thuê địa điểm kinh doanh theo Hợp đồng thuê hoạt động số 25/HDTCH/2018 ngày 31/5/2018 để mở cửa hàng kinh doanh xăng dầu (số 06). Theo hợp đồng này, Công ty đã trả trước toàn bộ tiền thuê cho đến ngày đáo hạn Hợp đồng.

Bên cạnh đó, Công ty cũng đã ký kết các Hợp đồng thuê đất tại địa phương nơi đặt văn phòng và các xí nghiệp, chi nhánh trực thuộc để sử dụng với mục đích làm cơ sở sản xuất kinh doanh, kho bãi với thời hạn thuê tối đa là 50 năm. Trong đó bao gồm:

- Thuê đất trả tiền một lần cho cả thời hạn thuê: để sử dụng làm trụ sở làm việc, nhà để xe với tổng diện tích là 867,7 m²;

- Thuê đất trả tiền hàng năm: để sử dụng làm cơ sở chế biến lương thực xuất khẩu, chế biến cá com xuất khẩu, kinh doanh xăng dầu với tổng diện tích là 299.032,2 m².

b. Ngoại tệ các loại

	31/12/2022	01/01/2022
Đô la Mỹ (USD)	16.956.406,43	541.862,78
Đồng tiền chung Châu Âu (EUR)	167,64	205,74

c. Nợ khó đòi đã xử lý

Đối tượng nợ phải thu khó đòi đã xử lý	31/12/2022	01/01/2022	Năm xử lý
	VND	VND	
DNTN Trường Duy	45.797.000	45.797.000	Năm 2010
Lê Kim Tới	61.597.359	61.597.359	Năm 2010
Trần Chí Linh	27.718.250	27.718.250	Năm 2010
Tiêu Thị Mưa	38.000.000	38.000.000	Năm 2011
Lữ Thị Bông	25.000.000	25.000.000	Năm 2013
Công ty Xuất nhập khẩu Phú Thọ	12.735.935	12.735.935	Năm 2016
Nguyễn Thị Tuyết - Tàu Tiên Phương	46.255.000	46.255.000	Năm 2016
Trần Thanh Đỉnh - XN An Hòa	166.982.720	166.982.720	Năm 2019
DNTN Thành Phước	229.845.000	229.845.000	Năm 2019
Trần Quốc Đoàn	168.738.419	168.738.419	Năm 2019
Trung tâm tư vấn Dịch vụ Xây dựng huyện Kiên Lương	15.000.000	15.000.000	Năm 2019
KUO Corp - Xi măng (193.760,00 USD)	4.482.637.600	4.482.637.600	Năm 2019
KUO Corp - phí tòa án Xi măng (12.339,98 USD)	285.485.437	285.485.437	Năm 2019
Chi nhánh DNTN Mỹ lệ	17.900.000	17.900.000	Năm 2019
Công ty TNHH Tâm Huy	602.770.000	602.770.000	Năm 2019
Tổng	6.226.462.720	6.226.462.720	

Nguyên nhân của việc xóa nợ: Các khoản nợ phải thu là nợ phải thu khó đòi trên 03 năm và đã được trích lập dự phòng, một số khoản phải thu khách hàng có giá trị lớn đã được Công ty khởi kiện ra tòa án nhưng chưa thể thi hành án do các khách hàng không còn tài sản để thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm, phụ phẩm	4.255.631.181.099	4.627.588.665.168
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.467.734.971	1.401.448.591
Doanh thu khác	1.534.978.498	248.929.322
Tổng	4.258.633.894.568	4.629.239.043.081

Trong đó:

Doanh thu với các bên liên quan

(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Giảm giá hàng bán	752.670.750	3.803.400.569
Tổng	752.670.750	3.803.400.569

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu thuần		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm, phụ phẩm	4.254.878.510.349	4.623.785.264.599
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.467.734.971	1.401.448.591
Doanh thu khác	1.534.978.498	248.929.322
Tổng	4.257.881.223.818	4.625.435.642.512

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm, phụ phẩm	3.811.223.531.433	4.315.473.449.397
Giá vốn hàng tồn kho hao hụt bảo quản	2.618.295.828	2.398.239.994
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(19.650.985.240)	(6.916.318.014)
Tổng	3.794.190.842.021	4.310.955.371.377

Trong đó:

Mua hàng từ các bên liên quan

(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi	424.695.993	29.473.751
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	32.626.562.945	30.738.905.491
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	1.921.729.248	-
Tổng	34.972.988.186	30.768.379.242

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí lãi vay	27.985.703.290	21.289.570.879
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	30.282.603.177	8.852.122.378
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	8.582.873.934	1.921.039.576
Các khoản chi phí tài chính khác	455.421.444	66.313.377
Tổng	67.306.601.845	32.129.046.210

6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí bán hàng	376.150.329.247	267.417.689.310
Chi phí nhân công	1.428.580.578	1.416.461.927
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, và bao bì	138.540.671.304	147.438.788.367
Chi phí khấu hao tài sản cố định	805.663.390	939.069.868
Chi phí dịch vụ mua ngoài	231.547.415.072	114.344.999.050
Chi phí bằng tiền khác	3.827.998.903	3.278.370.098
Chi phí quản lý doanh nghiệp	34.437.662.847	28.675.015.442
Chi phí nhân công	13.427.502.367	14.327.474.720
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, và dụng cụ quản lý	1.024.020.091	1.534.141.046
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.188.698.004	1.521.197.653
Thuế phí và lệ phí	71.884.649	59.675.858
Chi phí dự phòng	636.819.378	(3.420.699.884)
- Hoàn nhập dự phòng nợ khó đòi	-	(149.520.000)
- Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng quỹ tiền lương	636.819.378	(3.271.179.884)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.411.368.839	4.337.826.238
Chi phí bằng tiền khác	14.677.369.519	10.315.399.811
Tổng	410.587.992.094	296.092.704.752

Trong đó:

Chi phí bán hàng với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)	10.799.689	23.731.360
--	-------------------	-------------------

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

6.6 Lợi nhuận khác

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	246.452.051	-
Thu nhập từ giải phóng tàu nhanh	-	344.700.000
Thu nhập do miễn giảm khoản lãi mua hàng phải trả doanh nghiệp ngoài	-	1.868.209.726
Thu nhập từ bán phế liệu thu hồi, công cụ dụng cụ	395.584.999	249.659.454
Lãi bán hàng phải thu doanh nghiệp ngoài	-	2.290.736.452
Các khoản phạt hợp đồng kinh tế nhận được	953.240.750	-
Các khoản khác	391.345.023	72.857.990
Tổng	1.986.622.823	4.826.163.622
Chi phí khác		
Lãi mua hàng phải trả doanh nghiệp ngoài	-	2.688.447.567
Các khoản phạt và hủy hợp đồng kinh tế	11.161.884.110	1.335.714.141
Các khoản phạt vi phạm hành chính và tiền chậm nộp	80.617.436	-
Phí lưu kho, lưu bãi, xử lý chứng từ	513.665.737	-
Chi phí khác	42.894.983	23.112.489
Tổng	11.799.062.266	4.047.274.197
Lợi nhuận khác	(9.812.439.443)	778.889.425

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.956.336.601	17.805.788.840
Các khoản điều chỉnh tăng	15.422.561.154	2.865.179.097
Các khoản phạt vi phạm hành chính và tiền nộp chậm	80.617.436	-
Chi phí không được trừ	250.772.180	459.417.811
Chi phí lãi vay thuần không được trừ theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020	6.338.035.472	2.217.462.877
Lỗ chênh lệch tỷ giá cuối năm do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	8.753.136.066	188.298.409
Các khoản điều chỉnh giảm	(499.632)	(778.617.833)
Lãi chênh lệch tỷ giá cuối năm do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(499.632)	(778.617.833)
Thu nhập chịu thuế	26.378.398.123	19.892.350.104
Lỗ được kết chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế Thu nhập doanh nghiệp	26.378.398.123	19.892.350.104
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.275.679.625	3.978.470.021
Tổng	5.275.679.625	3.978.470.021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2022 (i) VND	Năm 2021 (ii) VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	5.680.656.976	13.827.318.819
Các khoản điều chỉnh	-	(1.306.246.937)
<i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng người quản lý</i>	-	(1.206.246.937)
<i>Quỹ tham gia từ thiện xã hội</i>	-	(100.000.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND) (i)	5.680.656.976	12.521.071.882
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	25.430.000	25.430.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) (i)	223	492

(i) Tại ngày Báo cáo, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 có thể được phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ thưởng người quản lý và Quỹ tham gia từ thiện xã hội. Nếu Công ty trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng người quản lý và Quỹ tham gia từ thiện xã hội cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

(ii) Công ty xác định lại lãi cơ bản trên cổ phiếu do số trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ thưởng người quản lý và Quỹ tham gia từ thiện xã hội thay đổi theo kết quả phân chia lợi nhuận năm 2021, được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 số 57/NQ-XNK-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2022. Số liệu cụ thể như sau:

	Số đã trình bày trên Báo cáo năm trước VND	Số trình bày lại VND	Chênh lệch VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	13.827.318.819	13.827.318.819	-
Các khoản điều chỉnh	-	(1.306.246.937)	(1.306.246.937)
<i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng người quản lý</i>	-	(1.206.246.937)	(1.206.246.937)
<i>Quỹ tham gia từ thiện xã hội</i>	-	(100.000.000)	(100.000.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	13.827.318.819	12.521.071.882	(1.306.246.937)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	25.430.000	25.430.000	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	544	492	(51)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.345.870.044.352	1.486.629.800.638
Chi phí kinh doanh hàng hóa thương mại	2.514.653.551.702	2.975.087.482.521
Chi phí nhân công	29.851.805.961	27.643.609.197
Chi phí khấu hao tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	17.929.421.162	25.188.450.959
Chi phí dịch vụ mua ngoài	246.015.231.675	127.690.261.175
Chi phí khác bằng tiền	19.141.749.802	14.496.638.387
Trích lập/(Hoàn nhập) các khoản dự phòng	636.819.378	(3.420.699.884)
Tổng	4.174.098.624.032	4.653.315.542.993

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngày 12/01/2023, Công ty công bố thông tin trong Văn bản số 75/CBTT-XNK về Quyết định số 1051/QĐ-XPHC ngày 28/11/2022 của Cục Quản lý thị trường tỉnh Kiên Giang, trong đó đề cập đến việc Công ty bị xử phạt hành chính về việc không đáp ứng điều kiện về hệ thống phân phối xăng dầu theo quy định và gian lận trong kê khai đăng ký hệ thống phân phối. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính nêu trên cũng đề cập đến việc Công ty phải nộp số tiền phạt vào Ngân sách Nhà nước với tổng số tiền 80.000.000 VND. Đồng thời, Công ty bị tước Quyền sử dụng Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân phân phối xăng dầu 01 (một) tháng. Tới thời điểm báo cáo, Công ty đã được khôi phục quyền sử dụng và quyền kinh doanh xăng dầu theo Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân phân phối xăng dầu số 502-TNPP/QĐ-BCT do Bộ Công thương cấp ngày 28/01/2022.

Ngoài sự kiện trên, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

7.2. Thông tin về các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan chủ yếu mà Công ty có giao dịch trong kỳ:

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty cổ phần	Công ty mẹ
2	Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm	Cùng Công ty mẹ
3	Công ty Lương thực Trà Vinh	Chi nhánh Công ty mẹ
4	Công ty Lương thực Long An	Chi nhánh Công ty mẹ
5	Các nhân sự chủ chốt của Công ty gồm: các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và các thành viên lân cận trong gia đình họ	

a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác

Thù lao của Hội đồng Quản trị và người quản lý khác

Họ và tên	Chức danh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Ông Đoàn Huỳnh Dũng	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 15/3/2022)	-	-
	Phó Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 15/3/2022)	-	-
Ông Bạch Ngọc Văn	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 15/3/2022)	84.000.000	84.000.000
	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 15/3/2022)	-	-
Ông Phan Hùng Minh	Thành viên HĐQT	84.000.000	84.000.000
Bà Dương Thị Thanh Nguyệt	Thành viên HĐQT	84.000.000	84.000.000
Ông Phạm Minh Trung	Thành viên HĐQT	84.000.000	56.000.000
Ông Trần Công Lý	Thư ký Công ty	48.000.000	48.000.000

Thù lao của thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức danh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Bà Trần Thị Mai Trinh	Trưởng Ban Kiểm soát	-	-
Ông Nguyễn Trường Giang	Thành viên Ban Kiểm soát	48.000.000	32.000.000
Bà Vũ Thị Minh Hiền	Thành viên Ban Kiểm soát	48.000.000	32.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

7.2. Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Thu nhập từ việc quản lý chuyên trách của các Thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách, Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức danh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Ông Đoàn Huỳnh Dũng	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 15/3/2022)	489.600.000	507.200.000
	Phó Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 15/3/2022)	-	-
Ông Bạch Ngọc Văn	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 15/3/2022)	61.200.000	55.400.000
	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 15/3/2022)	-	-
Bà Trần Thị Mai Trinh	Trưởng Ban Kiểm soát	353.600.000	367.700.000
Bà Dương Thị Thanh Nguyệt	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	489.600.000	511.400.000
Ông Phạm Minh Trung	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	353.600.000	371.900.000
Ông Phan Hùng Minh	Thành viên HĐQT	-	23.000.000

b. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Mua hàng			
Tổng công ty Lương thực Miền Nam - Công ty cổ phần	Mua hàng hóa	63.661.225.551	16.295.273.000
	Mua hàng ủy thác	-	16.260.974.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm	Mua tài sản cố định	39.878.845.001	-
	Chi phí sửa chữa tài sản	624.200.000	-
	Phí gia công	17.500.000	-
Công ty Lương thực Trà Vinh	Mua hàng hóa	25.000.000	-
Công ty Lương thực Long An	Mua hàng hóa	990.000.000	34.299.000
		22.125.680.550	-
Mua dịch vụ		10.799.689	23.731.360
Tổng công ty Lương thực Miền Nam - Công ty cổ phần	Phí giao nhận, ủy thác, phí làm hàng	10.799.689	23.731.360
Bán hàng		59.529.491.359	3.973.860.720
Tổng công ty Lương thực Miền Nam - Công ty cổ phần	Bán hàng ủy thác	1.151.931.900	3.973.860.720
	Bán hàng hóa	57.238.515.000	-
	Phí ủy thác xuất khẩu	4.755.859	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm	Bán hàng hóa	1.116.000.000	-
	Bán hàng hóa	18.288.600	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANGSố 85 – 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc
Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang**Mẫu số B 09 - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

7.2. Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**c. Số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan	Tính chất giao dịch	31/12/2022	01/01/2022
		VND	VND
Phải thu khác ngắn hạn			
Tổng công ty Lương thực Miền Nam - Công ty cổ phần	Ứng trước tiền cổ tức năm 2021	-	9.278.942.400
Người mua trả tiền trước ngắn hạn			
Tổng công ty Lương thực Miền Nam - Công ty cổ phần	Nhận ứng trước tiền bán hàng hóa	379.804.839	-
Phải trả ngắn hạn khác			
Tổng công ty Lương thực Miền Nam - Công ty cổ phần	Phải trả lãi tiền lãi chậm nộp tiền cổ phần hóa	7.902.592.072	7.902.592.072

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

7.3. Báo cáo bộ phận**a. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

	Đơn vị tính: VND			Tổng
	Kinh doanh lương thực	Kinh doanh xăng dầu	Kinh doanh cá cơm	
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho khách hàng bên ngoài	3.763.861.121.793	28.630.523.681	465.389.578.344	4.257.881.223.818
Lợi nhuận gộp trên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của bộ phận	446.801.827.009	11.449.445.700	5.439.109.088	463.690.381.797
Chi phí thuần của bộ phận	427.747.554.597	11.864.569.246	3.309.481.910	442.921.605.753
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của bộ phận	19.054.272.412	(415.123.546)	2.129.627.178	20.768.776.044

Chi phí liên quan đến tài sản cố định và chi phí trả trước dài hạn cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

	Đơn vị tính: VND			Tổng
	Kinh doanh lương thực	Kinh doanh xăng dầu	Kinh doanh cá cơm	
Chi phí đã phát sinh trong kỳ để mua tài sản cố định	5.658.641.852	-	3.638.796.812	9.297.438.664
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.890.956.038	1.076.393.842	710.576.186	16.677.926.066
Phân bổ chi phí trả trước dài hạn	5.867.240.027	432.203.219	346.198.788	6.645.642.034

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

7.2. Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

a. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)

Tài sản và nợ bộ phận tại ngày 31/12/2022

	Đơn vị tính: VND			Tổng
	Kinh doanh lương thực	Kinh doanh xăng dầu	Kinh doanh cá cơm	
Tài sản bộ phận				
Tài sản cố định	127.325.444.970	6.347.251.350	11.179.649.589	144.852.345.909
Xây dựng cơ bản dở dang	-	-	1.356.388.307	1.356.388.307
Các khoản phải thu	81.568.506.752	13.404.010.911	50.000.000	95.022.517.663
Hàng tồn kho	176.099.865.327	10.636.404.370	7.869.907.005	194.606.176.702
Tài sản không thể phân bổ				572.396.537.720
Tổng	384.993.817.049	30.387.666.631	20.455.944.901	1.008.233.966.301
Nợ bộ phận				
Các khoản phải trả	102.181.758.535	965.046.998	30.906.620	103.177.712.153
Phải trả tiền vay (không phân bổ)				619.454.123.788
Nợ phải trả không phân bổ				21.582.159.555
Tổng	102.181.758.535	965.046.998	30.906.620	744.213.995.496

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

7.2. Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

a. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)

Kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

	Đơn vị tính: VND			Tổng
	Kinh doanh lương thực	Kinh doanh xăng dầu	Kinh doanh cá cơm	
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho khách hàng bên ngoài	4.301.796.035.854	293.037.421.508	30.602.185.150	4.625.435.642.512
Lợi nhuận gộp trên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của bộ phận	292.094.773.797	17.877.901.298	4.507.596.040	314.480.271.135
Chi phí thuần của bộ phận	280.317.815.985	13.831.857.479	3.303.698.256	297.453.371.720
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của bộ phận	11.776.957.812	4.046.043.819	1.203.897.784	17.026.899.415

Chi phí liên quan đến tài sản cố định và chi phí trả trước dài hạn cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

	Đơn vị tính: VND			Tổng
	Kinh doanh lương thực	Kinh doanh xăng dầu	Kinh doanh cá cơm	
Chi phí đã phát sinh trong kỳ để mua tài sản cố định	2.779.367.888	-	-	2.779.367.888
Chi phí khấu hao tài sản cố định	22.281.643.809	1.934.296.451	972.510.699	25.188.450.959
Phân bổ chi phí trả trước dài hạn	4.425.957.005	871.934.777	390.159.855	5.688.051.637

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

7.2. Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

a. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)

Tài sản và nợ bộ phận tại ngày 31/12/2021

Tài sản bộ phận (trình bày lại)

	Kinh doanh lượng thực	Kinh doanh xăng dầu	Kinh doanh cá cơm	Tổng
Tài sản cố định	137.365.269.321	7.423.645.192	8.284.762.296	153.073.676.809
Xây dựng cơ bản dở dang	-	-	1.356.388.307	1.356.388.307
Các khoản phải thu	336.779.595.235	12.407.689.220	50.000.000	349.237.284.455
Hàng tồn kho	292.924.244.744	28.711.710.738	6.133.498.570	327.769.454.052
Tài sản không thể phân bổ	-	-	-	85.475.816.617
Tổng	767.069.109.300	48.543.045.150	15.824.649.173	916.912.620.240

Nợ bộ phận (trình bày lại)

Các khoản phải trả	93.305.069.242	391.852.996	-	93.696.922.238
Phải trả tiền vay	-	-	-	530.630.349.740
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	21.801.447.496
Tổng	93.305.069.242	391.852.996	-	646.128.719.474

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

7.2 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

a. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý (Tiếp theo)

Doanh thu bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

	Thị trường xuất khẩu	Thị trường nội địa	Tổng cộng
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho khách hàng bên ngoài	3.066.262.121.964	1.191.619.101.854	4.257.881.223.818

Doanh thu bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

	Thị trường xuất khẩu	Thị trường nội địa	Tổng cộng
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho khách hàng bên ngoài	3.383.455.140.843	1.241.980.501.669	4.625.435.642.512

7.4. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.

Người lập biểu

Nguyễn Thị Chúc Hà

Kế toán trưởng

Trần Thị Điệp

Kiên Giang, ngày 28 tháng 2 năm 2023
Tổng Giám đốc



Dương Thị Thanh Nguyệt



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Kiên Giang, ngày 24 tháng 03 năm 2023

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT 



DƯƠNG THỊ THANH NGUYỆT